

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TIỂU HỌC – MẦM NON

Nguyễn Thị Minh Trang

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
SƯU TẦM VÀ SỬ DỤNG TƯ LIỆU THỰC TIỄN
TRONG DẠY HỌC CHỦ ĐỀ “CON NGƯỜI VÀ SỨC KHOẺ”,
MÔN KHOA HỌC 5

Mã sinh viên: 2552020427

Ngành: Giáo dục Tiểu học

NINH BÌNH, (2025)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TIỂU HỌC – MẦM NON

Nguyễn Thị Minh Trang

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
SƯU TẦM VÀ SỬ DỤNG TƯ LIỆU THỰC TIỄN
TRONG DẠY HỌC CHỦ ĐỀ “CON NGƯỜI VÀ SỨC KHOẺ”,
MÔN KHOA HỌC 5

Mã sinh viên: 2552020427

Ngành: Giáo dục Tiểu học

Người hướng dẫn: TS. Lê Thị Tâm

NINH BÌNH, (2025)

LỜI CẢM ƠN

Trong bốn năm học vừa qua, được sự chỉ dạy tận tình của quý thầy cô Trường Đại học Hoa Lư đã giúp em có thêm được những kiến thức quý báu trong quá trình thực hiện và hoàn thành khóa luận tốt nghiệp với đề tài “Sưu tầm và sử dụng tư liệu thực tiễn trong dạy học chủ đề “Con người và sức khỏe”, môn Khoa học 5”.

Trước hết, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến giảng viên hướng dẫn TS. Lê Thị Tâm đã tận tình chỉ bảo, định hướng và góp ý quý báu trong suốt quá trình nghiên cứu và hoàn thiện khóa luận này. Những lời hướng dẫn tận tình của cô không chỉ giúp em có được kiến thức chuyên môn mà còn rèn luyện tư duy nghiên cứu khoa học.

Bên cạnh đó, em xin gửi lời cảm ơn đến quý thầy cô trong Khoa Sư phạm Tiểu học – Mầm non của Trường Đại học Hoa Lư, những người đã truyền đạt cho em nền tảng kiến thức vững chắc trong suốt quá trình học tập.

Em xin kính chúc sức khỏe và kính chúc các quý thầy cô Trường Đại học Hoa Lư đạt nhiều thành tựu trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

Vì thời gian và những hiểu biết còn hạn chế, kinh nghiệm thực tế còn chưa nhiều, bài viết chắc chắn còn nhiều thiếu sót. Rất mong sự đóng góp và chỉ dẫn của các quý thầy cô giúp em bổ sung thêm nhiều kiến thức để phục vụ cho công tác thực tế sau này. Em xin chân thành cảm ơn!

LỜI CAM ĐOAN

Em xin cam đoan rằng khóa luận tốt nghiệp với đề tài “Sưu tầm và sử dụng tư liệu thực tiễn trong dạy học chủ đề “Con người và sức khỏe”, môn Khoa học 5” là kết quả nghiên cứu của em dưới sự hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn. Toàn bộ nội dung trong khóa luận được thực hiện dựa trên quá trình nghiên cứu, thu thập từ các tài liệu tham khảo có nguồn gốc rõ ràng, tuân thủ theo quy định về trích dẫn và sử dụng thông tin. Em không sao chép hay sử dụng trái phép nội dung của bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào.

Em xin chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của các số liệu, nội dung được trình bày trong bài. Nếu có bất kỳ vi phạm nào, em xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước nhà trường.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên thực hiện

Nguyễn Thị Minh Trang

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

Sinh viên Nguyễn Thị Minh Trang là người tích cực, chủ động, độc lập trong quá trình nghiên cứu; có năng lực chuyên môn vững vàng, thái độ nghiêm túc và trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học. Sinh viên thể hiện tinh thần ham học hỏi, cầu thị, biết khắc phục khó khăn để hoàn thành tốt khóa luận tốt nghiệp.

Nội dung nghiên cứu của sinh viên được trình bày trong 02 chương (ngoài phần mở đầu, kết luận và kiến nghị), đáp ứng yêu cầu về cấu trúc và nội dung của một khóa luận tốt nghiệp. Trong quá trình thực hiện đề tài, sinh viên đã vận dụng linh hoạt ba nhóm phương pháp nghiên cứu cơ bản (phương pháp nghiên cứu lý luận, phương pháp nghiên cứu thực tiễn và phương pháp thống kê toán học) để thực hiện đầy đủ hai nhiệm vụ chính của đề tài, đảm bảo mục tiêu nghiên cứu đặt ra.

Đặc biệt, sinh viên đã thực hiện sưu tầm và lựa chọn tư liệu thực tiễn phù hợp với nội dung chủ đề “Con người và sức khỏe” trong môn Khoa học 5, từ đó đề xuất cách sử dụng hiệu quả các tư liệu này trong dạy học nhằm tăng cường tính trực quan, thực tiễn và phát triển năng lực cho học sinh tiểu học. Các tư liệu được trình bày có tính xác thực, phù hợp với nội dung bài học và có giá trị tham khảo trong thực tiễn dạy học. Kết quả khảo sát và điều tra thực tiễn khách quan, rõ ràng, có ý nghĩa đối với việc nâng cao chất lượng dạy học.

Sinh viên đã rút ra các kết luận và kiến nghị có tính khái quát, phù hợp với thực tiễn giáo dục hiện nay và định hướng đổi mới phương pháp dạy học ở tiểu học.

Hình thức trình bày khóa luận đúng quy định của Nhà trường, ít lỗi chính tả, kết cấu mạch lạc, bố cục logic giữa các phần.

Đề nghị cho sinh viên bảo vệ khóa luận tốt nghiệp trước hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp.

Ninh Bình, ngày 25 tháng 4 năm 2025

Người hướng dẫn khoa học

TS. Lê Thị Tâm

BẢNG CÁC KÝ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Độc là
1	Bộ GD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
2	CTGDPT	Chương trình Giáo dục Phổ thông
3	HS	Học sinh
4	SGK	Sách giáo khoa
5	NXB	Nhà xuất bản
6	PGS.TS	Phó Giáo sư, Tiến sĩ
7	STEAM	Science, Technology, Engineering, Arts, Mathematics
8	STEM	Science, Technology, Engineering, Mathematics
9	WHO	Tổ chức Y tế Thế giới (<i>World Health Organization</i>)
10	YCCĐ	Yêu cầu cần đạt

DANH MỤC BẢNG BIỂU, SƠ ĐỒ

Bảng 1.1. Bảng YCCĐ về chủ đề “Con người và sức khỏe” môn Khoa học 5	8
Bảng 1.3. Bảng quan sát việc sử dụng tư liệu thực tiễn trong dạy học.....	17
Sơ đồ 2.1. Quy trình sưu tầm tư liệu thực tiễn trong dạy học chủ đề “Con người và sức khỏe”, môn Khoa học 5	23

DANH MỤC HÌNH

Hình 2.1. Hình ảnh về hệ tiêu hóa.....	27
Hình 2.2. Mô hình giải phẫu hệ tiêu hóa.....	28
Hình 2.3. Hình ảnh về hệ tuần hoàn.....	29
Hình 2.4. Cấu tạo hệ tuần hoàn	30
Hình 2.5. Hình ảnh về hệ hô hấp.....	31
Hình 2.6. Hệ hô hấp và cơ quan hô hấp	31
Hình 2.7. Hình ảnh về hệ thần kinh	32
Hình 2.8. Hình ảnh minh họa các bước rửa tay đúng cách theo tiêu chuẩn Bộ Y tế	33
Hình 2.9. Hình ảnh minh họa các nhóm chất dinh dưỡng của chế độ ăn uống khoa học	33
Hình 2.10. Hình ảnh minh họa tháp cân đối dinh dưỡng.....	34
Hình 2.11. Hình ảnh minh họa 12 lợi ích của tập thể dục thường xuyên	34
Hình 2.12. Hình ảnh minh họa ích của việc tập thể dục thường xuyên đối với sức khỏe	35
Hình 2.13. Các mô hình giải phẫu cơ thể người	38
Hình 2.14. Mẫu vật minh họa các yếu tố bảo vệ sức khỏe như khẩu trang, bàn chải đánh răng, và bộ sơ cứu cơ bản	39
Hình 2.15. Video về quá trình tiêu hóa thức ăn trong cơ thể người.....	41

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN	i
LỜI CAM ĐOAN	ii
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC.....	iii
BẢNG CÁC KÝ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT	iv
DANH MỤC BẢNG BIỂU, SƠ ĐỒ.....	v
DANH MỤC HÌNH.....	v
MỤC LỤC	vi
MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu	2
2.1. Trên thế giới	2
2.2. Ở Việt Nam	3
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	4
3.1. Mục đích nghiên cứu	4
3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu	4
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	4
4.1. Đối tượng nghiên cứu	4
4.2. Phạm vi nghiên cứu	4
5. Phương pháp nghiên cứu	4
5.1. Phương pháp nghiên cứu lý thuyết	4
5.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn	4
5.3. Phương pháp thống kê toán học.....	5
6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn.....	5
6.1. Ý nghĩa khoa học.....	5
6.2. Ý nghĩa thực tiễn	5
Chương 1	6
CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN	6
1.1. Cơ sở lý luận	6
1.1.1. Tư liệu thực tiễn trong dạy học	6
1.1.2. Khái quát về chủ đề “Con người và sức khỏe” - Khoa học 5	8

1.1.3. Đặc điểm nhận thức của học sinh lớp 5 trong việc sưu tầm và sử dụng tư liệu thực tiễn.....	12
1.2. Cơ sở thực tiễn.....	14
1.2.1. Khái quát về quá trình điều tra.....	14
1.2.2. Kết quả điều tra	18
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1.....	21
Chương 2.....	22
SUÛ TẦM VÀ SỬ DỤNG TƯ LIỆU THỰC TIỄN TRONG DẠY HỌC CHỦ ĐỀ “CON NGƯỜI VÀ SỨC KHỎE”, MÔN KHOA HỌC 5	22
2.1. Sưu tầm tư liệu thực tiễn trong dạy học chủ đề “Con người và sức khỏe”, môn Khoa học 5.....	22
2.1.1. Nguyên tắc sưu tầm	22
2.1.2. Quy trình sưu tầm.....	23
2.2. Sử dụng tư liệu thực tiễn trong dạy học chủ đề “Con người và sức khỏe”, môn Khoa học 5.....	40
2.2.1. Sử dụng tư liệu thực tiễn trong hoạt động mở đầu.....	40
2.2.2. Sử dụng tư liệu thực tiễn trong hoạt động hình thành kiến thức mới	42
2.2.3. Sử dụng tư liệu thực tiễn trong hoạt động luyện tập – vận dụng.46	
2.3. Đánh giá hiệu quả của việc sưu tầm và sử dụng tư liệu thực tiễn trong dạy học chủ đề “Con người và sức khỏe”, môn Khoa học 5.....	51
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....	53
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	54
1. Kết luận	54
2. Kiến nghị.....	54
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	55
PHỤ LỤC	57
PHIẾU KHẢO SÁT	57
KẾT QUẢ KHẢO SÁT	60

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Xuất phát từ yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay

Trong giáo dục hiện đại, việc đổi mới phương pháp dạy học là yêu cầu cấp thiết nhằm đáp ứng xu thế phát triển của xã hội. Giáo dục Việt Nam hiện đang hướng đến phát triển toàn diện năng lực người học, giúp học sinh không chỉ tiếp thu mà còn biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Nghị quyết số 29-NQ/TW (2013) đã nhấn mạnh rằng “phải chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học”. [1-tr.46]. Điều này đòi hỏi giáo viên thay đổi phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực học sinh.

Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cũng xác định rõ mục tiêu “giúp học sinh hình thành các năng lực chung, đặc biệt là năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, và năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo” [2-tr.5]. Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT cũng nêu rõ việc tổ chức các bài học gắn với thực tiễn, nhằm giúp học sinh “vận dụng được kiến thức vào thực tiễn cuộc sống, giải quyết được các vấn đề trong học tập và đời sống” [2-tr.6].

Theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, phương pháp dạy học tích cực cần gắn với thực tiễn, giúp học sinh tự học, tự nghiên cứu và phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề. Việc sưu tầm và sử dụng tư liệu thực tiễn trong dạy học, đặc biệt với môn Khoa học lớp 5, là cần thiết để học sinh biết cách áp dụng kiến thức vào thực tiễn cuộc sống.

Xuất phát từ đặc điểm môn Khoa học 5

Chương trình Khoa học 5 tập trung vào các chủ đề những nội dung mang tính ứng dụng cao, gần gũi với đời sống. Môn học không chỉ giới hạn trong sách vở mà còn khuyến khích học sinh học tập thông qua quan sát, thực hành và trải nghiệm thực tế. Theo Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học của Bộ GD&ĐT, môn Khoa học nhằm mục tiêu giúp học sinh “nhận thức được các quy luật cơ bản của thế giới tự nhiên, phát triển kỹ năng quan sát, thực nghiệm, và vận dụng kiến thức vào đời sống” [2-tr.6]. Nội dung bài học thường xoay quanh các hiện tượng quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày, từ đó khơi gợi sự tò mò và tạo động lực học tập. Chính vì vậy, việc tích cực đưa tư liệu thực tiễn vào giảng dạy không chỉ tăng tính hấp dẫn của bài học mà còn giúp học sinh tiếp thu kiến thức một cách sâu sắc và chủ động hơn.

Xuất phát từ vai trò tư liệu thực tiễn trong dạy học

Tư liệu thực tiễn giữ vai trò quan trọng trong quá trình đổi mới phương pháp dạy học, đặc biệt là đối với môn Khoa học 5 – một môn học có tính ứng dụng cao và gắn liền với đời sống hàng ngày. Việc sử dụng tư liệu thực tiễn giúp học sinh dễ dàng hình dung và hiểu rõ các khái niệm khoa học thông qua việc kết nối nội dung sách giáo khoa với những sự vật, hiện tượng quen thuộc trong cuộc sống. Theo Nguyễn Thị Bích Hạnh (2019), “việc áp dụng tư liệu thực tiễn trong giảng dạy không chỉ giúp học sinh hiểu bài nhanh hơn mà còn nâng cao khả năng

ghi nhớ và vận dụng kiến thức vào đời sống” [7-tr.15]. Nhờ đó, học sinh không chỉ tiếp thu kiến thức một cách thụ động mà còn được chủ động quan sát, thực hành và trải nghiệm, từ đó phát triển tư duy phản biện, khả năng tự học và giải quyết vấn đề một cách linh hoạt.

Bên cạnh đó, việc lồng ghép tư liệu thực tiễn vào bài giảng còn tạo điều kiện để học sinh hình thành và rèn luyện các kỹ năng mềm như làm việc nhóm, trình bày suy nghĩ, hợp tác và giao tiếp hiệu quả với bạn bè và thầy cô. Những kỹ năng này có vai trò quan trọng, không chỉ phục vụ cho quá trình học tập hiện tại mà còn giúp các em thích ứng tốt với môi trường học tập và làm việc trong tương lai. Ngoài ra, tư liệu thực tiễn còn góp phần tạo hứng thú học tập, khơi gợi sự tò mò, niềm say mê khám phá khoa học của học sinh, biến quá trình học tập trở thành hành trình trải nghiệm tích cực và đầy cảm hứng. Từ những lợi ích thiết thực đó, có thể khẳng định rằng việc sưu tầm và sử dụng tư liệu thực tiễn trong dạy học môn Khoa học 5 là một phương pháp hiệu quả và cần thiết. Phương pháp này không chỉ giúp nâng cao chất lượng giảng dạy mà còn góp phần thực hiện mục tiêu phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất cho học sinh tiểu học trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

Xuất phát từ những lý do trên, em lựa chọn nghiên cứu đề tài ***Sưu tầm và sử dụng tư liệu thực tiễn trong dạy học chủ đề “Con người và sức khỏe”, môn Khoa học 5.***

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

2.1. Trên thế giới

Bouillion & Gomez (2001), “*Connecting School and Community with Science Learning*” nhấn mạnh tầm quan trọng của việc kết nối giữa nhà trường và cộng đồng trong việc giảng dạy khoa học. Thông qua việc sử dụng các vấn đề thực tiễn trong cộng đồng và sưu tầm dữ liệu từ môi trường sống địa phương, học sinh có cơ hội tiếp cận các tình huống khoa học mang tính thực tiễn. Kết quả nghiên cứu cho thấy học sinh không chỉ hiểu biết về khoa học mà còn phát triển kỹ năng giải quyết các vấn đề cụ thể liên quan đến cuộc sống [20].

John Hattie (2013), “*Visible Learning for Teachers: Maximizing Impact on Learning*” tập trung vào việc đánh giá tác động của việc sử dụng tư liệu thực tiễn như hình ảnh, video, và các mô hình trực quan trong giảng dạy. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng học sinh học thông qua tư liệu thực tiễn có khả năng tiếp thu kiến thức nhanh hơn 30% so với các phương pháp truyền thống, đồng thời phát triển tư duy phân tích và kỹ năng giải quyết vấn đề [22].

Nhóm tác giả Barbara Means và các cộng sự (2014), “*Learning Online: What Research Tells Us About Whether, When and How*” chỉ ra rằng việc sử dụng tư liệu thực tiễn kỹ thuật số (chẳng hạn như các mô hình 3D, phần mềm tương tác) giúp học sinh không chỉ học nhanh hơn mà còn cải thiện khả năng tư duy sáng tạo và phân tích khoa học [21].

SERC (2020), “*Use Real World Examples to Teach Sustainability*” phân tích cách sử dụng các ví dụ thực tế để dạy về tính bền vững và khoa học môi trường. Sử dụng các nghiên cứu điển hình và dữ liệu thực tế từ môi trường sống, học sinh có thể đánh giá và phát triển các giải pháp cho các vấn đề thực tiễn.

Nghiên cứu khuyến nghị rằng việc sử dụng tư liệu thực tiễn sẽ giúp học sinh phát triển kỹ năng tư duy liên ngành và khả năng phân tích tình huống phức tạp [23].

Smithsonian Science Education Center (2021), “*Smithsonian Science for the Classroom*” là một chương trình giáo dục khoa học tích hợp STEAM cho học sinh từ cấp tiểu học. Chương trình sử dụng các hiện tượng thực tế và vấn đề cuộc sống để thúc đẩy học sinh tìm hiểu và giải quyết các vấn đề khoa học. Bằng cách khai thác các nguồn tài liệu thực tiễn như mô hình và tình huống thực tiễn trong thế giới thực, chương trình này giúp học sinh phát triển kỹ năng tư duy phản biện và khả năng giải quyết vấn đề một cách hiệu quả [24].

2.2. Ở Việt Nam

Nguyễn Thị Lan (2018), “*Ứng dụng mô hình thực tiễn trong dạy học môn Khoa học ở Tiểu học*” tập trung vào việc ứng dụng các mô hình thực tế trong dạy học môn Khoa học ở tiểu học. Kết quả cho thấy học sinh có sự hứng thú cao hơn với bài học, khả năng ghi nhớ kiến thức được cải thiện và kỹ năng phân tích vấn đề được phát triển rõ rệt [13].

PGS.TS. Trần Thanh Vân (2019), “*Sử dụng tư liệu thực tiễn trong dạy học tích cực ở Tiểu học*”, đã phân tích và chỉ ra rằng sử dụng tư liệu thực tiễn giúp học sinh tiểu học nâng cao khả năng tư duy sáng tạo, cải thiện tính tự giác trong học tập, đồng thời hỗ trợ giáo viên trong việc làm mới phương pháp giảng dạy [19].

Phạm Văn Tùng (2020), “*Tác động của việc sử dụng tư liệu thực tiễn trong giảng dạy các môn khoa học tự nhiên*”, cho thấy rằng việc kết hợp tư liệu thực tiễn với các hoạt động trải nghiệm thực tế không chỉ giúp học sinh tiểu học hiểu sâu hơn về kiến thức khoa học mà còn rèn luyện kỹ năng quan sát và tư duy logic [17].

Tác giả Đoàn Thị Ngân (2021), “*Thực trạng dạy học môn Khoa học ở trường tiểu học tại Thành phố Hồ Chí Minh*”, đã nghiên cứu khảo sát thực trạng dạy học môn Khoa học tại một số trường tiểu học ở Thành phố Hồ Chí Minh, nhấn mạnh vai trò của hoạt động trải nghiệm và phát triển năng lực học sinh theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 [15].

Nguyễn Minh Giang & Nguyễn Trần Thanh Liêm (2021) trong bài báo: “*Thực trạng sử dụng phương pháp thí nghiệm trong dạy học môn Khoa học theo định hướng phát triển năng lực trong các trường tiểu học ở Thành phố Hồ Chí Minh*” đã khảo sát 120 giáo viên tiểu học về việc áp dụng phương pháp thí nghiệm trong dạy học môn Khoa học, cho thấy phương pháp này giúp học sinh phát triển năng lực khoa học và tăng cường hiểu biết thực tiễn [5].

Nguyễn Thu Hương (2017), Khóa luận: “*Vận dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học môn Khoa học lớp 5 ở tiểu học*” đã nghiên cứu việc áp dụng các kỹ thuật dạy học tích cực như trò chơi học tập, thảo luận nhóm, đóng vai trong dạy học môn Khoa học lớp 5, nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy và phát triển năng lực học sinh [12].

Ngô Hiệu & Nguyễn Huyền Trang (2016) trong bài báo: “*Sử dụng dạy học khám phá trong dạy học tiểu học ở Hà Nội*” đã đề cập đến việc áp dụng phương pháp dạy học khám phá trong giảng dạy tiểu học tại Hà Nội, cho thấy phương pháp này giúp học sinh chủ động tìm hiểu, khám phá kiến thức, phát triển tư duy và kỹ năng giải quyết vấn đề [8].

Thông qua tổng quan vấn đề nghiên cứu, có thể thấy rằng vấn đề sưu tầm và sử dụng tư liệu thực tiễn trong dạy học môn Khoa học 5 đã thu hút được sự quan tâm và chú ý của cộng đồng nghiên cứu. Bên cạnh đó, thấy được những lợi ích tích cực mà vấn đề này mang lại để có thể vận dụng vào dạy học Khoa học 5 trong điều kiện thực tiễn của giáo dục Việt Nam. Tuy nhiên chưa có nhiều đề tài nghiên cứu về sưu tầm và sử dụng tư liệu thực tiễn trong dạy học môn Khoa học 5.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Sưu tầm và sử dụng tư liệu thực tiễn trong dạy học chủ đề “Con người và sức khỏe”, môn Khoa học 5 nhằm phát triển năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn của việc sử dụng tư liệu thực tiễn trong dạy học.

- Sưu tầm hệ thống tư liệu thực tiễn trong dạy học chủ đề “Con người và sức khỏe”, môn Khoa học 5.

- Đề xuất một số biện pháp sử dụng hiệu quả tư liệu thực tiễn trong dạy học chủ đề “Con người và sức khỏe”, môn Khoa học 5.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Tư liệu thực tiễn trong dạy học chủ đề “Con người và sức khỏe”, môn Khoa học 5.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Nội dung nghiên cứu: Tư liệu thực tiễn trong dạy học chủ đề “Con người và sức khỏe”, môn Khoa học 5.

- Không gian: Điều tra thực trạng giáo viên tiểu học và học sinh lớp 5 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

- Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 11/2024 đến tháng 4/2025.

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp nghiên cứu lý thuyết

- Khái quát các văn bản Nghị quyết của Đảng, Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo về chiến lược phát triển, đổi mới giáo dục, chương trình và SGK phổ thông nói chung.

- Tổng hợp các công trình khoa học đề cập đến sưu tầm và sử dụng tư liệu thực tiễn trong dạy học.

- Nghiên cứu CTGDPT môn Khoa học 5 và các tài liệu có liên quan làm cơ sở cho việc sưu tầm và sử dụng tư liệu thực tiễn trong dạy học.

5.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn

- Điều tra thực trạng sử dụng tư liệu thực tiễn trong dạy học hiện nay ở trường Tiểu học.

- Dự giờ, trao đổi, phỏng vấn trực tiếp giáo viên để tìm hiểu những khó khăn của giáo viên trong việc sử dụng tư liệu thực tiễn trong dạy học nói chung và trong dạy học chủ đề “Con người và sức khỏe”, môn Khoa học 5 nói riêng.

- Sưu tầm tư liệu thực tiễn trong dạy học chủ đề “Con người và sức khỏe”, môn Khoa học 5.

5.3. Phương pháp thống kê toán học

Phân tích, xử lý số liệu các kết quả thu được qua điều tra thực trạng.

6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn

6.1. Ý nghĩa khoa học

- Hoàn thiện cơ sở lý luận và thực tiễn về việc sử dụng tư liệu thực tiễn trong dạy học.

- Sưu tầm được hệ thống tư liệu thực tiễn trong dạy học chủ đề “Con người và sức khỏe”, môn Khoa học 5.

- Sử dụng hiệu quả tư liệu thực tiễn trong dạy học góp phần phát triển năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích cho giảng viên, sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Hoa Lư và giáo viên dạy môn Khoa học 5 ở trường Tiểu học.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

1.1. Cơ sở lý luận

1.1.1. Tư liệu thực tiễn trong dạy học

1.1.1.1. Khái niệm và các dạng tư liệu thực tiễn

a. Khái niệm:

Tác giả Nguyễn Văn Hóa trong cuốn “*Phương pháp dạy học và ứng dụng tư liệu thực tiễn trong giáo dục*” đưa ra một định nghĩa rõ ràng về tư liệu thực tiễn, theo đó, tư liệu thực tiễn là “các tài liệu, phương tiện giảng dạy giúp học sinh hình dung rõ ràng các khái niệm, hiện tượng khoa học thông qua các tình huống thực tế, từ đó phát triển khả năng tư duy sáng tạo và giải quyết vấn đề” [10-tr.155]. Định nghĩa này không chỉ làm rõ được bản chất của tư liệu thực tiễn mà còn chỉ ra mục đích quan trọng của việc sử dụng chúng trong giảng dạy.

Theo hướng nghiên cứu của đề tài, tác giả tiếp cận khái niệm tư liệu thực tiễn ở góc độ là những thông tin rút ra từ các tài liệu viết tay, in ấn, từ các sự vật, hiện tượng trong cuộc sống; thông qua hoạt động thực tiễn của con người, từ việc áp dụng lý thuyết vào thực tiễn và ngược lại, dùng thực tiễn để phát triển lý thuyết.

b. Các dạng tư liệu thực tiễn trong dạy học:

- *Hình ảnh và video*: Các hình ảnh, video mô phỏng hoặc ghi lại các hiện tượng khoa học giúp học sinh có thể quan sát và phân tích những gì đang diễn ra trong thế giới thực. Theo tác giả Nguyễn Quý Lâm (2010), “hình ảnh và video là những công cụ trực quan quan trọng trong việc giúp học sinh hiểu rõ các hiện tượng khoa học mà không thể thực hiện trong thực tế” [14-tr.45]

- *Mô hình vật lý và mô phỏng*: Mô hình và mô phỏng giúp tái hiện lại các quá trình, hiện tượng khoa học phức tạp. Chúng được sử dụng để tạo ra một môi trường học tập tương tác và trực quan cho học sinh. “Mô hình vật lý và mô phỏng là công cụ hữu ích để giảng dạy các khái niệm khó tiếp cận, từ đó nâng cao khả năng tư duy và phân tích của học sinh” [3-tr.67]

- *Tài liệu nghiên cứu và thực tế*: Các tài liệu nghiên cứu, bài báo khoa học, và các thông tin thực tế được đưa vào lớp học để giúp học sinh hiểu thêm về cách mà các kiến thức khoa học đã được áp dụng trong thực tế. “Việc sử dụng tài liệu nghiên cứu thực tế trong lớp học giúp học sinh kết nối lý thuyết với thực tiễn, từ đó nâng cao khả năng giải quyết vấn đề” [18-tr.24]

- *Công nghệ và phần mềm giáo dục*: Các phần mềm, ứng dụng công nghệ giúp học sinh tương tác với các mô hình, thí nghiệm ảo hoặc thực hiện các bài tập về khoa học. “Phần mềm giáo dục đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp một môi trường học tập tương tác, giúp học sinh có thể thực hành và trải nghiệm kiến thức khoa học một cách sinh động” [6-tr.31].

Như vậy, có thể thấy, tư liệu thực tiễn trong dạy học là các tài liệu, công cụ giúp học sinh tiếp cận kiến thức qua các hiện tượng và tình huống thực tế, từ đó hỗ trợ việc hình dung và hiểu rõ hơn các khái niệm, hiện tượng khoa học. Các dạng tư liệu thực tiễn bao gồm hình ảnh, video, mô hình vật lý, tài liệu nghiên cứu, và công

nghe số. Những tư liệu này không chỉ giúp học sinh học tập hiệu quả hơn mà còn phát triển tư duy phân tích và khả năng giải quyết vấn đề trong cuộc sống.

Trong giới hạn phạm vi nghiên cứu của khóa luận tốt nghiệp, em lựa chọn sưu tầm và sử dụng các loại tư liệu thực tiễn: Hình ảnh và video; mô hình mô phỏng; Tài liệu nghiên cứu và thực tế.

1.1.1.2. Vai trò của tư liệu thực tiễn

Tư liệu thực tiễn đóng vai trò quan trọng trong quá trình dạy học, đặc biệt là trong việc giúp học sinh kết nối lý thuyết với thực tế. Việc sử dụng tư liệu thực tiễn không chỉ làm cho bài học trở nên sinh động và hấp dẫn, mà còn giúp học sinh phát triển tư duy phản biện, khả năng phân tích và giải quyết vấn đề. Tư liệu thực tiễn giúp học sinh hình dung rõ hơn các khái niệm trừu tượng, đồng thời tạo cơ hội cho học sinh trải nghiệm và áp dụng kiến thức vào thực tế.

Theo Nguyễn Thị Lan (2018), “tư liệu thực tiễn giúp học sinh không chỉ nắm vững kiến thức mà còn phát triển khả năng giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo và kỹ năng thực hành” [13-tr.17]. Tác giả chỉ ra rằng, khi học sinh tiếp xúc với các tài liệu thực tiễn, chúng không chỉ học các khái niệm lý thuyết mà còn có cơ hội được áp dụng chúng vào các tình huống thực tế, từ đó nâng cao khả năng vận dụng kiến thức một cách linh hoạt. Học sinh không còn chỉ đơn thuần tiếp nhận thông tin từ sách vở, mà họ được khuyến khích tham gia vào quá trình giải quyết vấn đề thông qua các tình huống thực tế, bài tập thực hành, thí nghiệm hay các mô hình trực quan. Điều này giúp các em không chỉ ghi nhớ kiến thức mà còn hiểu sâu sắc và biết cách ứng dụng chúng trong thực tiễn.

Việc sử dụng tư liệu thực tiễn còn đặc biệt có ý nghĩa trong việc phát triển tư duy sáng tạo của học sinh. Các tài liệu thực tiễn như hình ảnh, mô hình 3D, video, hoặc các thí nghiệm không chỉ giúp học sinh tiếp thu kiến thức một cách sinh động mà còn kích thích sự tò mò, sáng tạo. Khi học sinh tham gia vào quá trình tìm kiếm, khám phá và giải quyết các vấn đề, các em có cơ hội phát huy trí tưởng tượng và tư duy sáng tạo, đồng thời phát triển các kỹ năng phân tích và tổng hợp thông tin.

Hơn nữa, tư liệu thực tiễn cũng là một công cụ hữu ích trong việc tăng cường sự tương tác giữa học sinh và giáo viên. Khi học sinh được tham gia vào các hoạt động học tập với tư liệu thực tiễn, giáo viên không chỉ đơn giản là người truyền đạt kiến thức mà còn đóng vai trò là người hướng dẫn, hỗ trợ học sinh trong quá trình khám phá, tư duy và giải quyết vấn đề. Sự tương tác này giúp tạo ra một môi trường học tập tích cực, nơi học sinh chủ động tham gia vào quá trình học tập, chia sẻ ý tưởng và thảo luận với giáo viên cũng như bạn bè. Đây là yếu tố quan trọng giúp xây dựng một môi trường học tập sáng tạo và cởi mở, nơi học sinh cảm thấy thoải mái để học hỏi, thử nghiệm và phát triển các kỹ năng cần thiết.

Ngoài ra, việc sử dụng các mô hình và công nghệ số như phần mềm mô phỏng còn giúp học sinh tiếp cận những kiến thức mà không thể thực hiện trong môi trường thực tế. “Các mô hình và công nghệ giúp học sinh không chỉ tiếp thu kiến thức nhanh chóng mà còn phát triển kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề qua các tình huống thực tế” [11-tr.65]. Điều này đặc biệt quan trọng trong những lĩnh vực khoa học, nơi mà việc thực hiện các thí nghiệm, quan sát hiện tượng

trong môi trường tự nhiên có thể gặp nhiều hạn chế về thời gian, không gian hoặc điều kiện vật chất. Việc sử dụng mô hình hoặc phần mềm mô phỏng cho phép học sinh trải nghiệm những tình huống, hiện tượng mà họ có thể không dễ dàng tiếp cận được trong cuộc sống hàng ngày, từ đó tạo cơ hội cho các em hình dung rõ ràng hơn về những khái niệm, lý thuyết trừu tượng.

Các mô hình và công nghệ không chỉ hỗ trợ việc tiếp thu kiến thức một cách nhanh chóng mà còn giúp học sinh phát triển các kỹ năng quan trọng như phân tích, quan sát và giải quyết vấn đề. Chẳng hạn, với phần mềm mô phỏng các hiện tượng khoa học, học sinh có thể thử nghiệm và quan sát sự thay đổi của các yếu tố trong một môi trường giả lập mà không gặp phải những khó khăn như trong thực tế. Điều này giúp các em hiểu rõ hơn về các mối quan hệ nguyên nhân – kết quả, rèn luyện khả năng suy luận logic và giải quyết vấn đề, từ đó phát triển tư duy phản biện và sáng tạo.

Tư liệu thực tiễn còn đóng vai trò quan trọng trong việc kích thích sự tò mò và khám phá của học sinh, từ đó giúp nâng cao chất lượng giảng dạy. “Sử dụng tư liệu thực tiễn trong giảng dạy giúp tạo ra một môi trường học tập thú vị và khuyến khích học sinh chủ động tìm kiếm và ứng dụng kiến thức vào thực tế” [20-tr.32]. Những tài liệu như hình ảnh, video, các mô hình mô phỏng hoặc các tình huống thực tế sẽ kích thích sự quan tâm của học sinh, giúp các em không chỉ học lý thuyết mà còn có thể thấy được sự ứng dụng của kiến thức vào đời sống. Khi học sinh cảm thấy hứng thú và tò mò về những gì mình đang học, họ sẽ chủ động tìm hiểu, khám phá và thử nghiệm những gì mình đã học trong các tình huống thực tế.

Việc này không chỉ nâng cao sự hứng thú học tập của học sinh mà còn giúp các em hình thành thái độ tích cực đối với việc học. Học sinh không còn cảm thấy nhàm chán với việc học từ sách vở mà sẽ chủ động tham gia vào quá trình học tập. Hơn nữa, môi trường học tập được tạo ra từ việc sử dụng tư liệu thực tiễn sẽ là nơi học sinh có thể tự do chia sẻ ý tưởng, đặt câu hỏi và cùng nhau giải quyết vấn đề, qua đó hình thành các kỹ năng giao tiếp và hợp tác, những yếu tố quan trọng trong việc phát triển toàn diện của học sinh.

Nhìn chung, tư liệu thực tiễn đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả giảng dạy, giúp học sinh dễ dàng kết nối kiến thức với thực tế, phát triển tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề. Việc sử dụng các tư liệu như hình ảnh, video, mô hình, và công nghệ số không chỉ làm bài học sinh động mà còn thúc đẩy sự chủ động và sáng tạo của học sinh trong quá trình học tập.

1.1.2. Khái quát về chủ đề “Con người và sức khỏe” - Khoa học 5

1.1.2.1. Yêu cầu cần đạt

**Bảng 1.1. Bảng YCCĐ về chủ đề “Con người và sức khỏe”
môn Khoa học 5**

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<i>Sự sinh sản và phát triển ở người</i> - Sự sinh sản ở người	– Nêu được ý nghĩa của sự sinh sản ở người.

– Các giai đoạn phát triển của cơ thể người	– Phân biệt được đặc điểm sinh học và đặc điểm xã hội của nam và nữ; thể hiện được thái độ và thực hiện tôn trọng các bạn cùng giới và khác giới. – Sử dụng được sơ đồ và một số thuật ngữ (trứng, tinh trùng, sự thụ tinh, ...) để trình bày quá trình hình thành cơ thể người. – Phân biệt được một số giai đoạn phát triển chính của con người (tuổi ấu thơ, tuổi dậy thì, tuổi trưởng thành, ...).
<i>Chăm sóc sức khỏe tuổi dậy thì</i>	– Nêu và thực hiện được những việc cần làm để chăm sóc, bảo vệ sức khỏe về thể chất và tinh thần ở tuổi dậy thì. – Giải thích được sự cần thiết phải giữ vệ sinh cơ thể, đặc biệt là ở tuổi dậy thì. – Có ý thức và kỹ năng thực hiện vệ sinh cơ thể, đặc biệt là vệ sinh cơ quan sinh dục ngoài.
<i>An toàn trong cuộc sống: Phòng tránh bị xâm hại</i>	– Nói được về cảm giác an toàn và quyền được an toàn, bảo vệ sự toàn vẹn của cá nhân và phản đối mọi sự xâm hại. – Trình bày được những nguy cơ dẫn đến bị xâm hại tình dục và cách phòng tránh, ứng phó khi có nguy cơ bị xâm hại. – Lập được danh sách những người đáng tin cậy để được giúp đỡ khi cần. – Đưa ra được yêu cầu giúp đỡ khi bản thân hoặc bạn bè có nguy cơ bị xâm hại.

Chủ đề “Con người và sức khỏe” trong chương trình Khoa học lớp 5 đóng vai trò rất quan trọng trong việc giúp học sinh hình thành những hiểu biết cơ bản về cơ thể con người, đặc biệt là về các hệ cơ quan chính như hệ tiêu hóa, tuần hoàn, hô hấp, thần kinh và bài tiết. Mỗi hệ cơ quan này có chức năng và cấu tạo riêng biệt, nhưng chúng lại hoạt động liên kết chặt chẽ với nhau để duy trì sự sống và sức khỏe của con người. Qua việc tìm hiểu về các cơ quan này, học sinh không chỉ biết được vai trò quan trọng của từng hệ thống mà còn có khả năng nhận biết và phân tích những hiện tượng sức khỏe liên quan đến sự vận hành của các cơ quan trong cơ thể. Chẳng hạn, học sinh có thể hiểu vì sao khi bị đau bụng, chúng ta cần phải lưu ý đến hệ tiêu hóa, hay tại sao các bệnh liên quan đến tim mạch lại ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe.

Chương trình này không chỉ giúp học sinh tiếp thu những kiến thức cơ bản về các hệ cơ quan trong cơ thể mà còn giúp các em phát triển kỹ năng giải thích các hiện tượng liên quan đến sức khỏe, từ đó có thể đưa ra những biện pháp chăm sóc cơ thể hợp lý trong cuộc sống hàng ngày. Khi học sinh hiểu được cơ chế hoạt động của cơ thể, các em sẽ biết cách phòng tránh và điều chỉnh hành vi của mình

để duy trì một sức khỏe tốt, như việc ăn uống khoa học, vệ sinh cá nhân đúng cách, hay tập thể dục thường xuyên.

Một điểm đáng chú ý là chương trình cũng chú trọng đến việc giáo dục thái độ sống tích cực và xây dựng thói quen lành mạnh cho học sinh. Ngoài việc truyền đạt kiến thức về các cơ quan trong cơ thể, học sinh còn được khuyến khích thực hiện các hành động thực tiễn như vệ sinh cá nhân, ăn uống đúng cách và luyện tập thể dục thể thao đều đặn. Việc tạo lập những thói quen này không chỉ giúp học sinh phát triển thể chất mà còn ảnh hưởng đến tinh thần, giúp các em có được một lối sống khỏe mạnh và năng động.

Chương trình đặc biệt nhấn mạnh vai trò của dinh dưỡng hợp lý, vận động thể chất và lối sống lành mạnh như một yếu tố quan trọng trong việc phòng chống bệnh tật và bảo vệ sức khỏe. Học sinh sẽ hiểu được rằng một chế độ ăn uống đầy đủ dưỡng chất không chỉ giúp cơ thể phát triển mà còn giúp tăng cường sức đề kháng, giảm thiểu nguy cơ mắc các bệnh tật. Hơn nữa, việc duy trì vận động thể chất đều đặn, như chạy bộ, bơi lội hay tham gia các hoạt động thể thao khác, không chỉ giúp cải thiện sức khỏe thể chất mà còn góp phần duy trì tinh thần lạc quan, giảm stress và tăng cường khả năng học tập.

Theo “*Chương trình giáo dục phổ thông môn Khoa học cấp Tiểu học*” của Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), yêu cầu cần đạt của chủ đề bao gồm: “Nêu được tên và chức năng chính của một số cơ quan trong cơ thể người; giải thích được vai trò của dinh dưỡng, rèn luyện thân thể, vệ sinh cá nhân và môi trường đối với sức khỏe; có ý thức thực hiện hành vi giữ gìn sức khỏe, phòng tránh bệnh tật và tai nạn thường gặp” [3-tr.24]. Cụ thể, học sinh phải có khả năng “nêu được tên và chức năng chính của một số cơ quan trong cơ thể người”, điều này giúp các em hiểu rõ hơn về sự vận hành của cơ thể mình, từ đó nhận thức được tầm quan trọng của mỗi cơ quan và hệ thống cơ quan trong việc duy trì sức khỏe.

Ngoài ra, một yêu cầu quan trọng khác là học sinh cần “giải thích được vai trò của dinh dưỡng, rèn luyện thân thể, vệ sinh cá nhân và môi trường đối với sức khỏe”. Điều này không chỉ là việc học thuộc các khái niệm, mà còn là sự hiểu biết sâu sắc về tác động của các yếu tố này đối với cơ thể. Học sinh sẽ nhận thức được rằng dinh dưỡng hợp lý là nguồn cung cấp năng lượng và chất dinh dưỡng cần thiết cho cơ thể; việc rèn luyện thân thể không chỉ giúp duy trì sức khỏe mà còn giúp phòng tránh nhiều bệnh tật. Đồng thời, việc giữ gìn vệ sinh cá nhân và môi trường sống sạch sẽ đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong việc bảo vệ sức khỏe, tránh lây nhiễm bệnh tật.

Cuối cùng, yêu cầu quan trọng là học sinh cần có “ý thức thực hiện hành vi giữ gìn sức khỏe, phòng tránh bệnh tật và tai nạn thường gặp”. Đây là yêu cầu liên quan đến thái độ và hành động cụ thể của học sinh trong cuộc sống hằng ngày. Học sinh không chỉ hiểu biết về các vấn đề liên quan đến sức khỏe mà còn phải thực hiện các hành vi cụ thể như ăn uống lành mạnh, vệ sinh cá nhân đúng cách, tham gia các hoạt động thể chất, tránh các thói quen có hại cho sức khỏe. Việc hình thành thói quen giữ gìn sức khỏe và phòng tránh các bệnh tật, tai nạn giúp học sinh không chỉ phát triển thể chất mà còn xây dựng được thói quen sống khỏe mạnh, bảo vệ bản thân trong các tình huống thường gặp trong cuộc sống.

Như vậy, yêu cầu cần đạt của chương trình môn Khoa học lớp 5 chủ đề "Con người và sức khỏe" không chỉ giúp học sinh có kiến thức khoa học cơ bản mà còn giáo dục các em về hành vi sống khỏe mạnh, từ đó chuẩn bị cho các em một nền tảng vững chắc để bảo vệ sức khỏe và phát triển toàn diện.

1.1.2.2. Nội dung

Chủ đề "Con người và sức khỏe" trong chương trình môn Khoa học lớp 5 được thiết kế với mục tiêu cung cấp cho học sinh những kiến thức cơ bản về cơ thể con người và các biện pháp cần thiết để giữ gìn và tăng cường sức khỏe. Chủ đề này không chỉ bao quát về các hệ cơ quan trong cơ thể mà còn chú trọng đến vai trò của chúng đối với sự sống và hoạt động của con người. Học sinh sẽ được tìm hiểu về cấu tạo và chức năng của các hệ cơ quan chủ yếu như hệ tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, bài tiết và thần kinh, qua đó hiểu được cách các cơ quan này phối hợp với nhau để duy trì hoạt động bình thường của cơ thể. Ví dụ, hệ tuần hoàn vận chuyển oxy và chất dinh dưỡng đến các tế bào trong cơ thể, hệ hô hấp giúp cung cấp oxy và loại bỏ khí CO₂, hệ tiêu hóa giúp cơ thể hấp thụ dưỡng chất, trong khi hệ thần kinh điều khiển các chức năng và phản xạ.

Bên cạnh đó, chủ đề này còn hướng tới việc cung cấp kiến thức về các yếu tố quan trọng trong việc duy trì sức khỏe, bao gồm dinh dưỡng hợp lý, vệ sinh cá nhân và phòng tránh các bệnh tật, tai nạn học đường. Học sinh sẽ được hướng dẫn về việc ăn uống đúng cách để cung cấp đủ dinh dưỡng cho cơ thể, cũng như những thói quen vệ sinh cá nhân như rửa tay, giữ gìn môi trường sống sạch sẽ để phòng ngừa bệnh tật. Việc phòng tránh bệnh tật và tai nạn học đường cũng được đặc biệt chú trọng, giúp học sinh nhận thức được tầm quan trọng của việc giữ gìn an toàn trong môi trường học tập và sinh hoạt, từ đó biết cách bảo vệ bản thân khỏi các nguy cơ tiềm ẩn.

Chủ đề này không chỉ dừng lại ở việc cung cấp kiến thức lý thuyết, mà còn nhấn mạnh đến việc giáo dục học sinh những hành vi và thói quen sống lành mạnh. Các em sẽ được khuyến khích thực hiện các biện pháp bảo vệ sức khỏe trong cuộc sống hàng ngày như tập thể dục thường xuyên, ăn uống đủ chất, và thực hiện các biện pháp vệ sinh cá nhân, từ đó hình thành những thói quen tốt cho sức khỏe trong suốt cuộc đời.

Thông qua việc học các bài như "*Sự hình thành cơ thể người*", "*Các giai đoạn phát triển chính của con người*", "*Nam và nữ*", "*Chăm sóc sức khỏe tuổi dậy thì*", "*Phòng tránh bị xâm hại*", học sinh được rèn luyện kỹ năng quan sát, phân tích, liên hệ thực tế và thực hành các biện pháp bảo vệ sức khỏe. Ngoài ra, nội dung còn lồng ghép giáo dục ý thức giữ gìn vệ sinh thân thể, bảo vệ môi trường sống và có trách nhiệm với sức khỏe bản thân và cộng đồng.

Theo "*Chương trình giáo dục phổ thông môn Khoa học cấp Tiểu học*" của Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), nội dung chủ đề được xây dựng theo hướng tích hợp giữa kiến thức khoa học và ứng dụng thực tiễn, giúp học sinh vừa hiểu đúng bản chất các hiện tượng khoa học, vừa biết vận dụng vào cuộc sống hàng ngày [3-tr.30]. Điều này có nghĩa là chương trình không chỉ đơn thuần truyền đạt cho học sinh các kiến thức lý thuyết về cơ thể người và các hệ cơ quan, mà còn giúp các em hiểu rõ tầm quan trọng của những kiến thức này trong cuộc sống thực tế.

Việc tích hợp giữa lý thuyết và ứng dụng thực tiễn là một cách tiếp cận giúp học sinh có thể áp dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn, qua đó hình thành tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề. Chẳng hạn, khi học về hệ tiêu hóa, học sinh không chỉ được hiểu về cấu tạo và chức năng của các cơ quan trong hệ tiêu hóa mà còn học được cách xây dựng một chế độ dinh dưỡng hợp lý để duy trì sức khỏe của bản thân. Khi tìm hiểu về vệ sinh cá nhân, học sinh không chỉ biết về các biện pháp vệ sinh mà còn hiểu được vì sao vệ sinh cơ thể lại quan trọng đối với sức khỏe và sự phát triển.

Chủ đề “Con người và sức khỏe” được thiết kế để không chỉ dừng lại ở việc cung cấp những kiến thức khoa học cơ bản mà còn tạo ra sự liên kết giữa học tập và thực tế cuộc sống, giúp học sinh áp dụng những kiến thức đó vào hành vi hàng ngày. Chính vì vậy, học sinh sẽ nhận thức rõ ràng hơn về tầm quan trọng của việc chăm sóc sức khỏe, cũng như có khả năng tự bảo vệ bản thân trước các nguy cơ về sức khỏe. Việc tích hợp này không chỉ nâng cao chất lượng giáo dục mà còn giúp học sinh hình thành những thói quen sống lành mạnh ngay từ khi còn nhỏ.

1.1.3. Đặc điểm nhận thức của học sinh lớp 5 trong việc sưu tầm và sử dụng tư liệu thực tiễn

1.1.3.1. Đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh lớp 5

Học sinh lớp 5, ở độ tuổi 10–11, đang bước vào giai đoạn chuyển mình từ thơ ấu sang thiếu niên với sự phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ và cảm xúc. Về nhận thức, các em đã hình thành tư duy logic nhưng vẫn phụ thuộc nhiều vào trực quan – hình ảnh; về tâm lý, các em tò mò, ham khám phá và có khả năng tập trung lâu hơn, dù chưa mạnh ở khả năng khái quát trừu tượng. Vì vậy, đưa tư liệu thực tiễn sinh động, có hình ảnh, âm thanh và trải nghiệm thực tế vào giảng dạy sẽ giúp các em tiếp thu dễ dàng và hứng thú hơn.

Theo “*Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*” của tác giả Nguyễn Ánh Tuyết: “Ở lứa tuổi tiểu học, đặc biệt là học sinh lớp 5, trí nhớ có chủ định phát triển mạnh, các em có khả năng ghi nhớ lâu hơn nếu gắn liền với hình ảnh và hoạt động cụ thể” [18-tr.115]. Điều này có nghĩa là ở độ tuổi này, học sinh bắt đầu có khả năng ghi nhớ có chủ định, tức là các em có thể tập trung vào việc học và lưu giữ thông tin lâu dài hơn nếu thông tin đó được liên kết với những hình ảnh trực quan hoặc hoạt động thực tế.

Trí nhớ có chủ định ở học sinh lớp 5 rất phát triển, giúp các em ghi nhận kiến thức chủ động. Để tối ưu, giáo viên nên sử dụng hình ảnh sinh động, mô phỏng và hoạt động thực tế: khi học về hệ cơ quan, mô hình cơ thể, tranh ảnh về tiêu hóa, tuần hoàn... sẽ giúp các em liên kết thông tin rõ ràng hơn và lưu giữ lâu bền. Nhờ vậy, bài học trở nên sống động, dễ tiếp thu và ứng dụng thiết thực, đồng thời thúc đẩy sự phát triển toàn diện về nhận thức và kỹ năng thực hành.

1.1.3.2. Khả năng tiếp nhận và xử lý tư liệu thực tiễn

Học sinh lớp 5 có khả năng tiếp nhận và xử lý thông tin tốt hơn so với các lớp dưới nhờ vào sự phát triển dần của tư duy logic và khả năng liên hệ thực tiễn. Ở lứa tuổi này, các em có thể quan sát, so sánh, phân tích các hiện tượng đơn giản trong cuộc sống. Tuy nhiên, tư duy của học sinh vẫn còn thiên về trực quan cụ thể, do đó những hình ảnh sinh động, mô hình, video minh họa hoặc các trải

nghiệm thực tế đóng vai trò rất quan trọng trong việc giúp học sinh hiểu và ghi nhớ kiến thức.

Khi được tiếp xúc với tư liệu thực tiễn như hình ảnh các cơ quan trong cơ thể, đoạn phim ngắn về quá trình tiêu hóa, hay mô hình tuần hoàn máu, học sinh dễ hình dung và nắm bắt nội dung bài học hơn. Việc xử lý tư liệu ở mức độ phù hợp như phân loại, ghi chú lại thông tin, trả lời câu hỏi đơn giản cũng là những kỹ năng các em có thể thực hiện được với sự hướng dẫn của giáo viên.

Theo “*Tâm lý học lứa tuổi học sinh phổ thông*” của tác giả Lê Thanh Hà: “Tư duy trực quan - hình tượng còn chiếm ưu thế ở học sinh tiểu học, do đó việc dạy học cần gắn liền với hình ảnh, hiện tượng cụ thể từ thực tế để tạo động lực nhận thức” [6-tr.64]. Ở lứa tuổi tiểu học, đặc biệt là học sinh lớp 5, khả năng tư duy của các em chủ yếu dựa vào hình ảnh và hiện tượng cụ thể. Tư duy trực quan - hình tượng là kiểu tư duy mà trong đó học sinh thường sử dụng hình ảnh, biểu tượng hoặc mô hình để hiểu và giải thích các hiện tượng xung quanh. Các em không chỉ tiếp thu thông tin một cách lý thuyết mà còn cần phải thấy, nghe, hoặc trải nghiệm trực tiếp những hiện tượng đó trong thực tế để dễ dàng hình dung và hiểu sâu về chúng.

Vì vậy, việc sử dụng các phương pháp dạy học gắn liền với hình ảnh, mô phỏng hoặc các tình huống thực tế là một yếu tố quan trọng trong việc tạo động lực nhận thức cho học sinh. Nếu giáo viên có thể cung cấp cho học sinh những hình ảnh rõ ràng, mô hình sinh động, hoặc những ví dụ thực tế về các khái niệm, học sinh sẽ dễ dàng tiếp thu và hiểu bài học hơn. Khi giảng dạy về cơ thể người hoặc các hệ cơ quan trong môn Khoa học, thay vì chỉ giải thích lý thuyết, giáo viên có thể sử dụng các mô hình cơ thể người hoặc các hình ảnh về các cơ quan nội tạng. Điều này không chỉ giúp học sinh hình dung rõ ràng về cấu trúc và chức năng của các cơ quan trong cơ thể mà còn khuyến khích các em đặt câu hỏi, khám phá và tư duy sáng tạo. Khi học sinh được tương tác với các hình ảnh và hiện tượng cụ thể, các em sẽ cảm thấy hứng thú và dễ dàng tiếp thu kiến thức hơn.

Tư duy trực quan - hình tượng giúp học sinh dễ dàng ghi nhớ thông tin, đồng thời phát triển khả năng tư duy phân tích và tổng hợp. Việc tạo ra một môi trường học tập giàu hình ảnh và hiện tượng thực tế sẽ kích thích sự tò mò và động lực học tập của các em, từ đó nâng cao hiệu quả giáo dục.

1.1.3.3. Khả năng tham gia hoạt động sưu tầm tư liệu

Học sinh lớp 5 đã bước đầu hình thành kỹ năng tìm kiếm và lựa chọn thông tin từ các nguồn đơn giản như sách giáo khoa, báo thiếu nhi, tranh ảnh, hoặc thông qua sự hướng dẫn của giáo viên và cha mẹ. Với sự phát triển nhận thức và khả năng làm việc theo nhóm, các em có thể tham gia vào các hoạt động sưu tầm tư liệu phù hợp với trình độ, như thu thập tranh ảnh về các cơ quan trong cơ thể, tìm hiểu về thói quen vệ sinh, chế độ dinh dưỡng qua tài liệu in hoặc phương tiện kỹ thuật số đơn giản.

Tuy nhiên, vì hạn chế về kỹ năng phân tích và chọn lọc thông tin, học sinh cần được định hướng rõ ràng về mục tiêu, nội dung và phương pháp thực hiện. Khi có sự hỗ trợ phù hợp, các em không chỉ tích cực và hào hứng với hoạt động

này, mà còn phát triển được năng lực tự học, tư duy khoa học và kỹ năng trình bày thông tin.

Tài liệu “*Phương pháp giáo dục học sinh tiểu học*” chỉ rõ: “Việc tổ chức cho học sinh tiểu học thực hiện các nhiệm vụ học tập mang tính khám phá như sưu tầm tư liệu sẽ giúp các em phát huy năng lực cá nhân, hứng thú học tập và rèn luyện kỹ năng hợp tác” [11-tr.83]. Phát biểu trên nhấn mạnh vai trò của các hoạt động học tập chủ động, mang tính trải nghiệm và khám phá trong việc hình thành và phát triển năng lực toàn diện cho học sinh tiểu học. Việc tổ chức cho học sinh thực hiện các nhiệm vụ như sưu tầm tư liệu không chỉ đơn thuần là một hình thức thu thập thông tin mà còn là quá trình các em phải vận dụng tư duy, kỹ năng tìm kiếm, lựa chọn, đánh giá và xử lý dữ liệu từ thực tế hoặc từ các nguồn thông tin khác nhau. Qua đó, năng lực cá nhân được phát huy rõ rệt từ tư duy phản biện, sáng tạo, khả năng trình bày cho đến năng lực tự học.

Đồng thời, việc sưu tầm tư liệu thường không diễn ra đơn lẻ mà đòi hỏi học sinh phải hợp tác với bạn bè, chia sẻ thông tin, phân công nhiệm vụ và cùng nhau phân tích, tổng hợp tư liệu. Quá trình này là cơ hội quý giá để rèn luyện kỹ năng hợp tác – một trong những phẩm chất và năng lực cốt lõi được nhấn mạnh trong chương trình giáo dục phổ thông mới. Khi các em cùng nhau khám phá, trao đổi ý tưởng, học sinh không chỉ học từ thầy cô mà còn học từ bạn bè, phát triển các kỹ năng giao tiếp, lắng nghe và thuyết phục người khác.

Bên cạnh đó, yếu tố “hứng thú học tập” cũng được khơi gợi nhờ tính chất khám phá, mới lạ và thực tiễn của hoạt động sưu tầm. Học sinh sẽ cảm thấy bài học trở nên gần gũi hơn với cuộc sống, từ đó tăng cường động lực và niềm yêu thích đối với môn học. Như vậy, hoạt động sưu tầm tư liệu không chỉ phục vụ cho việc học kiến thức mà còn là phương tiện hiệu quả để giáo dục toàn diện về năng lực, kỹ năng và thái độ học tập của học sinh tiểu học.

Nhìn chung, học sinh lớp 5 có khả năng tiếp nhận kiến thức thông qua hình ảnh và trải nghiệm thực tế khá tốt. Việc tổ chức hoạt động sưu tầm và sử dụng tư liệu thực tiễn phù hợp với đặc điểm tâm lý, nhận thức của lứa tuổi sẽ góp phần nâng cao hiệu quả học tập và phát triển năng lực tự học, tư duy khoa học cho các em.

1.2. Cơ sở thực tiễn

1.2.1. Khái quát về quá trình điều tra

1.2.1.1. Mục đích điều tra

Việc điều tra được thực hiện nhằm thu thập thông tin thực tiễn liên quan đến thực trạng sử dụng tư liệu thực tiễn trong dạy học chủ đề “Con người và sức khỏe” ở môn Khoa học lớp 5 tại một số trường tiểu học. Mục đích của cuộc điều tra này là rất quan trọng, vì nó giúp xác định các yếu tố tác động trực tiếp đến hiệu quả giảng dạy và học tập. Mục tiêu cụ thể của cuộc điều tra có thể được phân tích chi tiết như sau:

Tìm hiểu mức độ hiểu biết và khả năng áp dụng tư liệu thực tiễn của giáo viên tiểu học trong quá trình giảng dạy: Mục tiêu quan trọng là đánh giá mức độ hiểu biết và khả năng vận dụng tư liệu thực tiễn của giáo viên trong dạy học, nhằm xác định hiệu quả của việc sử dụng tư liệu giúp học sinh tiếp thu kiến thức khoa học sinh động, dễ hiểu.

Khảo sát mức độ hứng thú, hiệu quả tiếp nhận kiến thức và khả năng tham gia vào hoạt động học tập của học sinh khi được tiếp cận với tư liệu thực tiễn: Mục tiêu này nhằm đánh giá tác động của tư liệu thực tiễn đến học sinh, bao gồm khả năng tiếp thu, mức độ hứng thú và sự tham gia tích cực trong học tập, qua đó tăng động lực và hiệu quả học tập.

Xác định những thuận lợi và khó khăn trong việc sưu tầm và sử dụng tư liệu thực tiễn tại cơ sở: Cuộc điều tra nhằm khảo sát các điều kiện thực tế như cơ sở vật chất, tài nguyên tư liệu và kỹ năng của giáo viên, học sinh để xác định thuận lợi, khó khăn trong việc sử dụng tư liệu thực tiễn, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy.

Làm cơ sở để đề xuất các biện pháp tổ chức và khai thác hiệu quả tư liệu thực tiễn trong dạy học chủ đề “Con người và sức khỏe” nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập môn Khoa học ở tiểu học: Kết quả điều tra sẽ làm cơ sở để xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng tư liệu thực tiễn, giúp giáo viên đổi mới phương pháp giảng dạy, từ đó cải thiện chất lượng dạy học và phát triển kỹ năng, tư duy cho học sinh.

1.2.1.2. Đối tượng điều tra

Đối tượng điều tra trong nghiên cứu này bao gồm các giáo viên giảng dạy môn Khoa học lớp 5 và học sinh lớp 5 tại một số trường tiểu học trên địa bàn nghiên cứu. Việc lựa chọn này không chỉ đảm bảo tính khách quan mà còn giúp thu thập những dữ liệu thực tế và trực tiếp từ những người tham gia giảng dạy và học tập chủ đề "Con người và sức khỏe", giúp đánh giá chính xác tác động của việc sử dụng tư liệu thực tiễn.

Giáo viên giảng dạy môn Khoa học lớp 5 tại các trường tiểu học là đối tượng quan trọng trong nghiên cứu vì họ trực tiếp tổ chức và thực hiện các hoạt động giảng dạy liên quan đến chủ đề “Con người và sức khỏe”. Giáo viên có kinh nghiệm thực tế trong việc sử dụng tư liệu giảng dạy, giúp xác định thuận lợi, khó khăn và đề xuất giải pháp cải thiện. Họ cũng chia sẻ phương pháp hiệu quả nhằm tạo động lực và nâng cao kết quả học tập cho học sinh.

Học sinh lớp 5 tại các trường được khảo sát là đối tượng tiếp nhận kiến thức trực tiếp từ giáo viên, là người tham gia các hoạt động học tập và là đối tượng chính để đánh giá hiệu quả của việc sử dụng tư liệu thực tiễn trong giảng dạy. Khảo sát học sinh giúp đánh giá mức độ tiếp thu, hứng thú và sự tham gia khi học với tư liệu thực tiễn, đồng thời phản ánh tác động của tư liệu đến động lực học tập, kỹ năng và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tế.

Lựa chọn đối tượng điều tra nhằm thu thập dữ liệu từ cả hai phía: giáo viên và học sinh. Điều này đảm bảo rằng các thông tin thu thập được phản ánh đầy đủ, khách quan và chính xác về thực trạng sử dụng tư liệu thực tiễn trong giảng dạy môn Khoa học lớp 5. Dữ liệu từ giáo viên phản ánh cách tổ chức và sử dụng tư liệu giảng dạy, còn dữ liệu từ học sinh cho thấy hiệu quả học tập. Tổng hợp thông tin này giúp đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng dạy học môn Khoa học trong trường Tiểu học.

1.2.1.3. Nội dung điều tra

Nội dung điều tra tập trung vào các vấn đề chủ yếu liên quan đến việc sử dụng tư liệu thực tiễn trong dạy học môn Khoa học lớp 5, cụ thể như sau:

Việc điều tra thực trạng sử dụng tư liệu thực tiễn trong dạy học đóng một vai trò quan trọng trong việc đánh giá mức độ hiệu quả và sự phổ biến của phương pháp này trong giảng dạy môn Khoa học lớp 5, đặc biệt là trong chủ đề “Con người và sức khỏe”. Cuộc điều tra nhằm tìm hiểu mức độ giáo viên sử dụng tư liệu thực tiễn như hình ảnh, video, mô hình trong dạy học, qua đó đánh giá thói quen giảng dạy và hiệu quả tích hợp tư liệu giúp học sinh hiểu rõ hơn các khái niệm khoa học trừu tượng.

Hiểu biết của giáo viên về tư liệu thực tiễn cũng là một yếu tố quan trọng trong nghiên cứu. Khảo sát nhằm đánh giá kiến thức của giáo viên về tư liệu thực tiễn, cách sưu tầm và sử dụng trong giảng dạy, qua đó xác định mức độ đào tạo, khả năng lựa chọn tư liệu phù hợp và những hạn chế cần bồi dưỡng thêm.

Khả năng tiếp nhận và phản ứng của học sinh là yếu tố cần thiết để đánh giá hiệu quả của việc sử dụng tư liệu thực tiễn trong dạy học. Khảo sát tập trung đánh giá phản hồi của học sinh về tư liệu thực tiễn, mức độ hứng thú, ghi nhớ và áp dụng kiến thức. Điều này giúp xác định liệu hình ảnh, video, mô hình có thực sự thúc đẩy đam mê học tập và nâng cao hiệu quả giảng dạy môn Khoa học hay không.

Ngoài ra, thuận lợi và khó khăn trong việc sử dụng tư liệu thực tiễn cũng là một phần không thể thiếu trong điều tra này. Nghiên cứu nhằm xác định các thuận lợi và khó khăn trong việc sưu tầm, lựa chọn và sử dụng tư liệu thực tiễn, như nguồn tài liệu sẵn có, hỗ trợ từ nhà trường, hay hạn chế về thời gian và công nghệ. Qua đó đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả dạy và học môn Khoa học.

Cuối cùng, thông qua việc khảo sát toàn diện các yếu tố trên, nghiên cứu sẽ thu thập được thông tin đầy đủ về thực trạng sử dụng tư liệu thực tiễn trong giảng dạy chủ đề “Con người và sức khỏe”. Những thông tin này sẽ là cơ sở quan trọng để đưa ra biện pháp cải tiến, giúp nâng cao chất lượng dạy học và học tập trong các trường tiểu học, từ đó đáp ứng tốt hơn nhu cầu phát triển toàn diện của học sinh.

1.2.1.4. Các phương pháp điều tra

Để thu thập thông tin một cách đầy đủ và khách quan, nghiên cứu sử dụng các phương pháp điều tra sau:

Phương pháp khảo sát: Sử dụng phiếu khảo sát (phụ lục) để thu thập thông tin từ giáo viên, gồm hai phần: thông tin nhân khẩu học và nội dung về nhận thức, vai trò, thực trạng sử dụng tư liệu thực tiễn trong dạy học Khoa học lớp 5. Câu hỏi được thiết kế theo thang đo Likert 5 mức độ, giúp đánh giá chi tiết nhận thức và hành vi giáo viên. Bảng hỏi được thử nghiệm trước để đảm bảo rõ ràng, dễ hiểu và khảo sát được thực hiện trực tiếp hoặc trực tuyến nhằm đảm bảo hiệu quả thu thập dữ liệu.

Phương pháp chọn mẫu: Mẫu khảo sát gồm 70 giáo viên tiểu học được chọn ngẫu nhiên từ nhiều trường khác nhau, đảm bảo tính khách quan và đại diện. Mẫu đa dạng về độ tuổi, trình độ, thâm niên và môi trường công tác (thành thị, nông thôn), giúp phân tích toàn diện các yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng tư liệu thực tiễn trong dạy học Khoa học lớp 5.

Phương pháp phân tích số liệu: Sau khi thu thập, dữ liệu khảo sát được mã hóa, tổng hợp và phân tích để tính tỷ lệ phần trăm và điểm trung bình cho từng phát biểu, qua đó xác định xu hướng nhận thức và thực trạng sử dụng tư liệu thực tiễn. Đồng thời, dữ liệu nhân khẩu học được phân tích để tìm mối liên hệ giữa đặc điểm cá nhân và hành vi giảng dạy. Kết quả được trình bày bằng bảng, biểu đồ và thống kê mô tả, làm cơ sở đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả dạy học Khoa học lớp 5.

Phương pháp quan sát: Thực hiện quan sát trực tiếp các tiết học để xem xét cách giáo viên sử dụng tư liệu thực tiễn trong quá trình giảng dạy. Phương pháp này giúp thu thập dữ liệu thực tế về việc áp dụng tư liệu thực tiễn trong lớp học.

Bảng 1.3. Bảng quan sát việc sử dụng tư liệu thực tiễn trong dạy học

STT	Tiêu chí quan sát	Mô tả/Chú ý	Ghi chú của người quan sát
1	Khởi động tiết học bằng tư liệu thực tiễn	Quan sát xem giáo viên mở đầu bằng video, hình ảnh, hiện vật hay câu chuyện thực tế.	
2	Cách giới thiệu và liên kết tư liệu với nội dung “Con người và sức khỏe”	Giáo viên giải thích rõ ràng ý nghĩa, liên hệ tư liệu với khái niệm, ví dụ cụ thể.	
3	Tương tác với học sinh qua tư liệu	Quan sát việc đặt câu hỏi, khuyến khích học sinh phản hồi, thảo luận dựa trên tư liệu.	
4	Phương pháp trình chiếu, trình bày tư liệu	Đánh giá cách sử dụng phương tiện (máy chiếu, bảng tương tác, thiết bị hỗ trợ) để hiển thị tư liệu.	
5	Hoạt động nhóm/xử lý tư liệu	Quan sát cách giáo viên tổ chức học sinh thảo luận, phân tích, tổng hợp thông tin từ tư liệu.	
6	Đánh giá hiểu biết và vận dụng của học sinh	Giáo viên cho học sinh trả lời, làm bài tập, hoặc trình bày ý kiến dựa trên tư liệu.	
7	Tính linh hoạt và sáng tạo trong sử dụng tư liệu	Những chỉnh sửa, bổ sung tư liệu “tại chỗ” khi cần (ví dụ: thêm ví dụ thực tế, minh họa) ...	
8	Kết thúc tiết học và liên kết tiếp theo	Giáo viên tổng kết, khơi mở hoạt động hoặc bài học sau bằng tư liệu thực tiễn.	

1.2.2. Kết quả điều tra

1.2.2.1. Nhận thức của giáo viên tiểu học về vai trò, ý nghĩa của việc sử dụng tư liệu thực tiễn trong dạy học

Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn giáo viên tiểu học đều nhận thức rõ ràng và đánh giá cao vai trò, ý nghĩa của tư liệu thực tiễn trong giảng dạy môn Khoa học lớp 5. Tư liệu thực tiễn không chỉ giúp bài giảng trở nên sinh động, hấp dẫn mà còn đóng góp tích cực vào việc phát triển tư duy, kỹ năng của học sinh.

Tư liệu thực tiễn làm cho bài học sinh động và hấp dẫn hơn

Đối với phát biểu “Tư liệu thực tiễn giúp bài học Khoa học trở nên sinh động và hấp dẫn hơn,” mức điểm trung bình đạt 4.08, với 41.4% giáo viên chọn mức “Đồng ý” và 28.6% chọn mức “Hoàn toàn đồng ý.” Điều này cho thấy giáo viên nhận thức được rằng tư liệu thực tiễn là một phương tiện hữu ích để tăng cường tính trực quan, giúp học sinh dễ dàng tiếp cận và hiểu sâu hơn nội dung bài học. Những ví dụ trực quan như hình ảnh, mô hình hoặc video về các hiện tượng thực tế không chỉ khơi gợi sự tò mò mà còn làm tăng sự chú ý và hứng thú học tập ở học sinh.

Kết nối kiến thức lý thuyết với thực tiễn

Phát biểu “Việc sử dụng tư liệu thực tiễn giúp học sinh kết nối kiến thức lý thuyết với thực tiễn” nhận được mức điểm trung bình cao nhất là 4.23. Trong đó, 40.0% giáo viên chọn mức “Đồng ý” và 31.4% chọn mức “Hoàn toàn đồng ý.” Kết quả này khẳng định rằng giáo viên nhận thức rõ ràng tư liệu thực tiễn đóng vai trò quan trọng trong việc biến những khái niệm khoa học trừu tượng thành những điều gần gũi, dễ hiểu, và liên quan trực tiếp đến cuộc sống hàng ngày của học sinh. Ví dụ, khi dạy về hệ tiêu hóa hoặc hệ hô hấp, việc sử dụng hình ảnh, sơ đồ hoặc video minh họa giúp học sinh không chỉ hiểu bài mà còn nhớ lâu hơn.

Phát triển tư duy và kỹ năng phân tích

Phát biểu “Sử dụng tư liệu thực tiễn giúp phát triển tư duy và kỹ năng phân tích của học sinh” đạt điểm trung bình 4.03, với hơn 37.1% giáo viên chọn mức “Đồng ý” và 24.3% chọn mức “Hoàn toàn đồng ý.” Điều này cho thấy giáo viên nhận thức rằng tư liệu thực tiễn không chỉ là công cụ hỗ trợ giảng dạy mà còn là phương tiện giúp học sinh rèn luyện kỹ năng tư duy phân tích, so sánh, và đánh giá. Những bài tập yêu cầu học sinh quan sát, phân tích dữ liệu từ các tài liệu thực tiễn sẽ giúp các em phát triển kỹ năng tư duy phản biện một cách hiệu quả.

Khuyến khích sáng tạo và hứng thú học tập

Phát biểu “Tư liệu thực tiễn khuyến khích học sinh sáng tạo trong học tập” đạt mức điểm trung bình 4.12. Hơn 42.9% giáo viên chọn mức “Đồng ý” và 27.1% chọn mức “Hoàn toàn đồng ý.” Kết quả này phản ánh rằng giáo viên đánh giá cao vai trò của tư liệu thực tiễn trong việc khuyến khích học sinh tự do khám phá, tìm tòi và phát triển ý tưởng mới. Các hoạt động như xây dựng mô hình từ tư liệu thực tế hoặc trình bày ý tưởng sáng tạo về các hiện tượng khoa học là cách thức hiệu quả để thúc đẩy sự sáng tạo của học sinh.

Tư liệu thực tiễn là yếu tố không thể thiếu trong giảng dạy

Phát biểu “Tôi cảm thấy việc sử dụng tư liệu thực tiễn là cần thiết và quan trọng trong dạy học” có mức điểm trung bình cao nhất trong nhóm câu hỏi này,

đạt 4.31. Trong đó, 34.3% giáo viên chọn mức “Hoàn toàn đồng ý” và 40.0% chọn mức “Đồng ý.” Điều này khẳng định rằng giáo viên không chỉ nhận thức rõ vai trò mà còn xem việc sử dụng tư liệu thực tiễn như một phần không thể thiếu trong quá trình dạy học. Họ đánh giá rằng tư liệu thực tiễn có thể cải thiện hiệu quả bài giảng, từ đó nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

1.2.2.2. Thực trạng của việc sử dụng tư liệu thực tiễn trong dạy học môn Khoa học 5

Kết quả khảo sát đã chỉ ra một bức tranh toàn diện về thực trạng sử dụng tư liệu thực tiễn trong dạy học môn Khoa học lớp 5 tại các trường tiểu học. Qua các số liệu thu thập được, có thể nhận thấy rằng việc sử dụng tư liệu thực tiễn đã trở thành một phần quan trọng trong giảng dạy, nhưng vẫn còn tồn tại nhiều thách thức cần giải quyết.

Tần suất sử dụng tư liệu thực tiễn

Phát biểu “Tôi thường xuyên sử dụng tư liệu thực tiễn trong giảng dạy môn Khoa học lớp 5” có mức điểm trung bình 4.06. Kết quả này cho thấy việc sử dụng tư liệu thực tiễn diễn ra khá phổ biến, với 40.0% giáo viên chọn mức “Đồng ý” và 24.3% chọn mức “Hoàn toàn đồng ý.” Tuy nhiên, cũng có một số giáo viên chọn các mức độ thấp hơn, điều này cho thấy không phải tất cả các giáo viên đều sử dụng tư liệu thực tiễn thường xuyên. Sự không đồng đều này có thể xuất phát từ các yếu tố như khả năng tiếp cận tài liệu, thời gian chuẩn bị, hoặc sự hỗ trợ từ nhà trường.

Các khó khăn trong việc sử dụng tư liệu thực tiễn

Một trong những khó khăn nổi bật được phản ánh trong khảo sát là việc tìm kiếm các tư liệu thực tiễn phù hợp. Phát biểu “Tôi gặp khó khăn trong việc tìm kiếm các tư liệu thực tiễn phù hợp với nội dung bài học” đạt mức điểm trung bình 3.96, với 40.0% giáo viên chọn mức “Đồng ý.” Điều này cho thấy rằng nhiều giáo viên gặp khó khăn trong việc tìm kiếm các nguồn tư liệu có chất lượng và phù hợp với nội dung bài giảng. Thực tế này đặt ra nhu cầu cấp thiết về việc xây dựng các kho tư liệu chung hoặc cung cấp các công cụ hỗ trợ giáo viên trong việc tìm kiếm tài liệu.

Ngoài ra, phát biểu “Nhà trường cung cấp đầy đủ nguồn tài liệu và cơ sở vật chất để sử dụng tư liệu thực tiễn” đạt mức điểm trung bình chỉ 3.94. Điều này phản ánh rằng sự hỗ trợ từ nhà trường còn chưa đáp ứng đủ nhu cầu của giáo viên. Nhiều giáo viên cho biết họ không có đủ thiết bị hỗ trợ như máy chiếu, mô hình hoặc tài liệu trực quan để sử dụng trong giảng dạy. Thiếu cơ sở vật chất cũng là một yếu tố hạn chế lớn trong việc triển khai hiệu quả các phương pháp giảng dạy hiện đại.

Thời gian chuẩn bị tư liệu thực tiễn

Một khó khăn khác mà giáo viên gặp phải là hạn chế về thời gian. Phát biểu “Tôi có đủ thời gian để chuẩn bị các tư liệu thực tiễn phục vụ giảng dạy” có điểm trung bình 3.91, với 34.3% giáo viên chọn mức “Đồng ý” và 25.7% chọn mức “Hoàn toàn đồng ý.” Tuy nhiên, tỷ lệ giáo viên chọn các mức độ thấp hơn cũng khá cao, cho thấy rằng lịch trình giảng dạy dày đặc khiến giáo viên khó có đủ thời gian để chuẩn bị tư liệu một cách kỹ lưỡng. Việc giảm tải công việc hành chính

hoặc tổ chức các buổi hỗ trợ giáo viên chuẩn bị tài liệu là những giải pháp cần thiết để giải quyết vấn đề này.

Hứng thú và phản ứng của học sinh

Dù gặp phải nhiều khó khăn, kết quả khảo sát cũng chỉ ra rằng học sinh có phản hồi rất tích cực khi được học với các tư liệu thực tiễn. Phát biểu “Học sinh hứng thú hơn khi được học với các tư liệu thực tiễn” đạt mức điểm trung bình cao nhất trong nhóm câu hỏi này, với 4.25. Cụ thể, 41.4% giáo viên chọn mức “Đồng ý” và 31.4% chọn mức “Hoàn toàn đồng ý.” Điều này khẳng định rằng tư liệu thực tiễn không chỉ giúp cải thiện chất lượng bài giảng mà còn làm tăng hứng thú và sự tham gia tích cực của học sinh trong các hoạt động học tập. Các em thường hào hứng hơn khi được quan sát, tìm hiểu các hình ảnh, video hoặc mô hình trực quan, thay vì chỉ tiếp cận kiến thức qua lý thuyết.

Nhu cầu đào tạo và bồi dưỡng giáo viên

Cuối cùng, phát biểu “Tôi cần sự hỗ trợ từ các khóa bồi dưỡng để nâng cao kỹ năng sử dụng tư liệu thực tiễn” đạt điểm trung bình 4.05, với 42.9% giáo viên chọn mức “Đồng ý.” Kết quả này chỉ ra rằng nhiều giáo viên mong muốn được tham gia các chương trình đào tạo để nâng cao kỹ năng tìm kiếm, chuẩn bị và sử dụng tư liệu thực tiễn. Những khóa bồi dưỡng như vậy không chỉ giúp giáo viên cập nhật các phương pháp giảng dạy tiên tiến mà còn tăng cường sự tự tin khi triển khai tư liệu trong lớp học.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Chương 1 đã cung cấp nền tảng lý luận và thực tiễn cho việc sử dụng tư liệu thực tiễn trong dạy học môn Khoa học lớp 5, đặc biệt là trong việc sưu tầm và sử dụng tư liệu thực tiễn trong dạy học chủ đề "Con người và sức khỏe". Các khái niệm về tư liệu thực tiễn và vai trò của chúng trong quá trình dạy học đã được làm rõ, cho thấy sự cần thiết phải sử dụng tư liệu thực tiễn để giúp học sinh hình dung và hiểu rõ hơn các khái niệm khoa học.

Thực trạng sử dụng tư liệu thực tiễn trong giảng dạy cho thấy mặc dù giáo viên nhận thức được vai trò quan trọng của chúng, nhưng việc triển khai thực tế còn gặp nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, thiếu nguồn tài liệu phong phú và việc thiếu thời gian chuẩn bị. Học sinh nhìn chung phản hồi tích cực về việc sử dụng tư liệu thực tiễn, đặc biệt là các tư liệu trực quan như hình ảnh và video, giúp các em hứng thú và dễ dàng tiếp thu kiến thức.

Qua các kết quả điều tra, nghiên cứu đã chỉ ra rằng mặc dù có những thuận lợi trong việc áp dụng tư liệu thực tiễn, nhưng cũng tồn tại không ít khó khăn cần phải khắc phục, bao gồm việc thiếu thôn công cụ hỗ trợ và thiếu sự đồng bộ trong cách thức triển khai. Các vấn đề này sẽ là cơ sở để nghiên cứu đưa ra những giải pháp và khuyến nghị trong chương tiếp theo.

Chương 2

SU TẦM VÀ SỬ DỤNG TƯ LIỆU THỰC TIỄN TRONG DẠY HỌC CHỦ ĐỀ “CON NGƯỜI VÀ SỨC KHỎE”, MÔN KHOA HỌC 5

2.1. Su tầm tư liệu thực tiễn trong dạy học chủ đề “Con người và sức khỏe”, môn Khoa học 5

2.1.1. Nguyên tắc su tầm

Su tầm tư liệu thực tiễn trong dạy học là một công việc quan trọng, đóng vai trò then chốt trong việc tạo dựng môi trường học tập sinh động và hấp dẫn cho học sinh. Để tư liệu thực tiễn có thể phát huy hiệu quả cao nhất trong việc giảng dạy, quá trình su tầm cần tuân thủ một số nguyên tắc cơ bản sau:

Tính chính xác và đáng tin cậy

Nguyên tắc đầu tiên trong việc su tầm tư liệu thực tiễn là đảm bảo tính chính xác và đáng tin cậy của nguồn tài liệu. Giáo viên cần lựa chọn tư liệu từ các nguồn uy tín như sách giáo khoa, tài liệu học thuật, nghiên cứu khoa học đã được xác minh. Việc sử dụng tài liệu không chính thống có thể khiến học sinh hiểu sai về kiến thức khoa học, ảnh hưởng đến nhận thức và hiệu quả học tập. Đặc biệt, với các chủ đề như cấu trúc cơ thể hay chức năng hệ cơ quan, thông tin cần được lấy từ các nghiên cứu được công nhận để đảm bảo tính khoa học và ứng dụng thực tiễn.

Tính phù hợp với nội dung bài học

Tư liệu su tầm phải phù hợp với mục tiêu bài học và nội dung mà giáo viên muốn truyền đạt, đây là yếu tố vô cùng quan trọng để đảm bảo hiệu quả trong quá trình giảng dạy. Tư liệu thực tiễn đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ giáo viên truyền đạt kiến thức sinh động và dễ hiểu. Trong chủ đề "Con người và sức khỏe", việc lựa chọn tư liệu phù hợp giúp học sinh hình dung rõ các khái niệm khoa học phức tạp, như quá trình tuần hoàn máu hay tiêu hóa thức ăn. Ví dụ, hình ảnh, sơ đồ, và video minh họa sẽ giúp học sinh hiểu rõ hơn về các chức năng cơ thể. Tuy nhiên, nếu tư liệu không liên quan đến bài học, học sinh sẽ dễ cảm thấy bối rối và mất hứng thú. Do đó, việc chọn lựa tư liệu phải cẩn thận, đảm bảo tính chính xác, dễ tiếp cận và có sự tương tác cao để tăng hiệu quả học tập.

Tính sinh động và hấp dẫn

Để thu hút sự chú ý và tạo hứng thú học tập cho học sinh, tư liệu thực tiễn cần phải có tính sinh động và trực quan, giúp tạo ra một môi trường học tập sinh động và dễ tiếp cận. Tư liệu sinh động như hình ảnh, video, mô hình 3D hay mô phỏng sinh học giúp bài học trở nên hấp dẫn và dễ hiểu hơn. Những tư liệu này tạo điều kiện cho học sinh "trải nghiệm trực tiếp" các hiện tượng khoa học, qua đó tăng khả năng ghi nhớ và hiểu sâu các khái niệm trừu tượng. Ví dụ, video mô phỏng quá trình tiêu hóa giúp học sinh hình dung rõ các bước và cơ quan tham gia, từ miệng đến ruột non. Ngoài việc minh họa, tư liệu còn khơi gợi sự tò mò, phát triển tư duy và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu quả học tập.

Tính phù hợp với đối tượng học sinh

Một nguyên tắc quan trọng không kém trong việc su tầm tư liệu là tính phù hợp với đối tượng học sinh. Khi lựa chọn tư liệu, giáo viên cần đảm bảo nội

dung dễ hiểu, phù hợp với độ tuổi và khả năng nhận thức của học sinh lớp 5. Tư liệu quá phức tạp sẽ khiến học sinh khó tiếp thu, dễ chán nản và giảm hứng thú học tập. Do đó, cần ưu tiên các tài liệu đơn giản, trực quan như hình ảnh minh họa, mô hình 3D hoặc video mô phỏng có giải thích rõ ràng, tránh dùng nhiều thuật ngữ chuyên môn. Tư liệu phù hợp không chỉ giúp học sinh hiểu bài dễ hơn mà còn khuyến khích các em chủ động tìm hiểu và phát triển khả năng tự học.

Tính khả thi trong việc sử dụng

Tư liệu sưu tầm cần phải khả thi trong việc sử dụng trong lớp học, điều này có nghĩa là giáo viên cần cân nhắc điều kiện cơ sở vật chất và công cụ hỗ trợ giảng dạy tại trường để lựa chọn tư liệu phù hợp. Nếu lớp học có máy chiếu, máy tính, có thể dùng video hoặc bài giảng trực tuyến; nếu không, có thể thay bằng hình ảnh, tranh vẽ, tài liệu in. Việc linh hoạt trong sử dụng phương tiện, không phụ thuộc hoàn toàn vào công nghệ, giúp đảm bảo hiệu quả giảng dạy trong mọi điều kiện, đồng thời tạo môi trường học tập đa dạng, hấp dẫn cho học sinh.

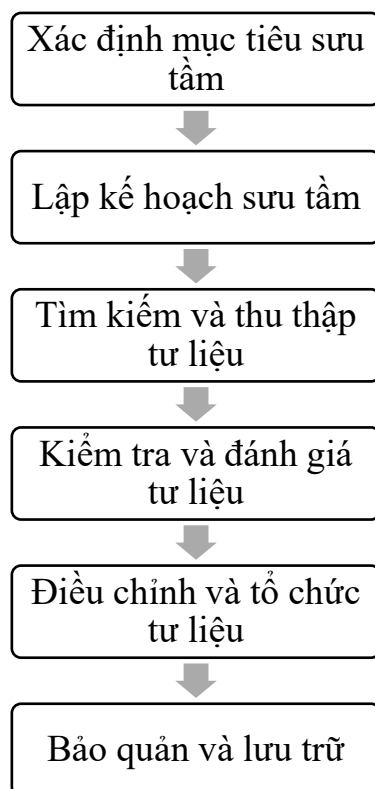
Tính tính hợp lý về thời gian và chi phí

Việc sưu tầm tư liệu thực tiễn trong giảng dạy cần phải được tính toán hợp lý về thời gian và chi phí để đảm bảo hiệu quả trong quá trình chuẩn bị bài học mà không làm ảnh hưởng đến các hoạt động giảng dạy khác. Giáo viên cần chọn tư liệu nhanh chóng và hiệu quả để không ảnh hưởng đến thời gian soạn bài. Đồng thời, chi phí sưu tầm cũng phải hợp lý, tránh gây áp lực tài chính. Nên ưu tiên sử dụng tư liệu miễn phí, có sẵn tại thư viện hoặc từ các nguồn giáo dục mở trên internet. Điều này giúp tiết kiệm chi phí, dễ cập nhật, linh hoạt áp dụng vào giảng dạy mà vẫn đảm bảo chất lượng và tính khoa học.

2.1.2. Quy trình sưu tầm

Sơ đồ 0.1. Quy trình sưu tầm tư liệu thực tiễn trong dạy học chủ đề

“Con người và sức khỏe”, môn Khoa học 5



Để đảm bảo việc sưu tầm tư liệu thực tiễn hiệu quả và có hệ thống, giáo viên cần thực hiện theo một quy trình cụ thể gồm các bước sau:

2.1.2.1. Xác định mục tiêu sưu tầm:

Xác định mục tiêu sưu tầm là bước đầu tiên và quan trọng nhất trong quá trình thu thập tư liệu thực tiễn để phục vụ cho việc giảng dạy môn Khoa học lớp 5, đặc biệt với chủ đề “Con người và sức khỏe.” Việc xác định rõ mục tiêu giúp giáo viên có định hướng cụ thể, tập trung vào các nội dung kiến thức trọng tâm, từ đó đảm bảo rằng tư liệu thu thập được không chỉ phù hợp với nội dung bài học mà còn đáp ứng đúng yêu cầu giảng dạy và nhu cầu học tập của học sinh.

Mỗi bài học cần có mục tiêu cụ thể, từ đó giáo viên lựa chọn tư liệu minh họa phù hợp như hình ảnh, video mô phỏng hay mô hình 3D để giúp học sinh dễ hiểu và hứng thú hơn trong học tập. Ngoài việc hỗ trợ tiếp thu kiến thức, tư liệu còn cần phát huy được các kỹ năng như quan sát, phân tích, và hình thành ý thức bảo vệ sức khỏe.

Việc xác định mục tiêu rõ ràng sẽ giúp giáo viên tiết kiệm thời gian, loại bỏ tư liệu không phù hợp và tổ chức việc sưu tầm một cách hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học.

2.1.2.2. Lập kế hoạch sưu tầm

Lập kế hoạch sưu tầm là bước tiếp theo quan trọng sau khi xác định rõ mục tiêu sưu tầm. Quá trình này giúp giáo viên tổ chức công việc một cách khoa học, tiết kiệm thời gian và tối ưu hóa hiệu quả trong việc thu thập tư liệu thực tiễn. Một kế hoạch sưu tầm tốt sẽ đảm bảo rằng tất cả các tư liệu cần thiết được chuẩn bị đầy đủ, phù hợp với nội dung bài giảng và dễ dàng triển khai trong lớp học.

Trước hết, giáo viên cần xác định rõ thời gian dành cho việc sưu tầm tư liệu, tránh ảnh hưởng đến công việc giảng dạy. Nên bắt đầu sưu tầm ít nhất 1–2 tuần trước khi dạy để có thời gian tìm kiếm, chọn lọc và chỉnh sửa tư liệu. Đồng thời, giáo viên cũng cần xác định địa điểm sưu tầm phù hợp như thư viện trường, cơ sở y tế, hoặc internet.

Nguồn tư liệu có thể bao gồm sách giáo khoa, sách tham khảo, tạp chí khoa học, video học tập, trang web chính thống như Bộ Y tế hoặc WHO. Tuy nhiên, khi sử dụng internet, cần đảm bảo tính chính xác và phù hợp với trình độ học sinh.

Ngoài ra, giáo viên có thể khai thác từ cộng đồng như phỏng vấn chuyên gia hoặc tổ chức tham quan thực tế. Cuối cùng, việc xây dựng tiêu chí lựa chọn tư liệu (khoa học, phù hợp, khả dụng) và lập danh mục các loại cần thu thập sẽ giúp quá trình sưu tầm diễn ra khoa học, hiệu quả và tiết kiệm thời gian.

2.1.2.3. Tìm kiếm và thu thập tư liệu:

Tìm kiếm và thu thập tư liệu là một bước quan trọng trong quá trình chuẩn bị cho bài giảng, đặc biệt là đối với các chủ đề đòi hỏi tính thực tiễn cao như “Con người và sức khỏe” trong môn Khoa học lớp 5. Bước này không chỉ đảm bảo rằng giáo viên có được những tài liệu phù hợp để minh họa cho bài học, mà còn góp phần làm tăng tính sinh động và hấp dẫn của nội dung giảng dạy. Để thực hiện hiệu quả, giáo viên cần bám sát mục tiêu giảng dạy đã được xác định và sử dụng các nguồn tài liệu đa dạng để thu thập những tư liệu giá trị.

Trước hết, giáo viên cần tiến hành tìm kiếm tư liệu từ các nguồn đáng tin cậy như sách giáo khoa, sách tham khảo, tạp chí khoa học hoặc tài liệu của tổ chức giáo dục và y tế. Internet là công cụ hữu ích, tuy nhiên cần chọn lọc từ các trang chính thống như WHO, Bộ Y tế để đảm bảo tính chính xác. Hình ảnh, video minh họa hệ cơ quan hay hướng dẫn vệ sinh cá nhân giúp bài giảng thêm sinh động, dễ hiểu.

Ngoài ra, giáo viên có thể thu thập tư liệu từ thực tế như mô hình cơ thể người, mẫu vật về dụng cụ vệ sinh cá nhân hoặc thực phẩm lành mạnh. Việc phỏng vấn chuyên gia y tế hay thăm quan trạm y tế cũng góp phần tăng tính thực tiễn. Tư liệu cần phù hợp với nhận thức, sở thích của học sinh lớp 5 và được lưu trữ, tổ chức hợp lý để thuận tiện sử dụng, tái sử dụng trong giảng dạy.

2.1.2.4. Kiểm tra và đánh giá tư liệu:

Sau khi hoàn tất quá trình tìm kiếm và thu thập tư liệu, bước kiểm tra và đánh giá tư liệu là giai đoạn cần thiết để đảm bảo rằng các tài liệu được sử dụng trong bài giảng đều có chất lượng cao, đáng tin cậy và phù hợp với mục tiêu giảng dạy. Đây là bước không thể thiếu để sàng lọc những tư liệu hữu ích, loại bỏ các tài liệu không đáp ứng được yêu cầu, từ đó tối ưu hóa hiệu quả giảng dạy và nâng cao trải nghiệm học tập của học sinh.

Trước hết, giáo viên cần đánh giá kỹ nội dung tư liệu, đảm bảo tính chính xác, khoa học và không gây nhầm lẫn. Tư liệu như hình ảnh, video hay mô hình phải thể hiện đúng kiến thức và không có lỗi kỹ thuật. Nguồn tư liệu cũng cần đáng tin cậy, ưu tiên sách giáo khoa, tài liệu của Bộ Y tế, WHO hoặc các trang giáo dục chính thống.

Tư liệu phải phù hợp với trình độ học sinh lớp 5, dễ hiểu, sinh động và gắn liền với mục tiêu bài học. Ngoài ra, tính khả dụng cũng rất quan trọng - nên chọn

tư liệu dễ sử dụng trong lớp học, có thể bảo quản và tái sử dụng. Cuối cùng, giáo viên nên phân loại tư liệu theo mục đích sử dụng (minh họa, thực hành, thảo luận...) để hỗ trợ soạn giảng hiệu quả và tiết kiệm thời gian.

2.1.2.5. Điều chỉnh và tổ chức tư liệu:

Điều chỉnh và tổ chức tư liệu là bước cuối cùng trong quá trình chuẩn bị trước khi đưa tư liệu vào giảng dạy. Đây là bước quan trọng nhằm đảm bảo rằng các tư liệu đã sưu tầm và kiểm tra không chỉ đáp ứng các tiêu chí về chất lượng và tính phù hợp mà còn sẵn sàng được sử dụng một cách hiệu quả trong lớp học. Việc chỉnh sửa và sắp xếp tư liệu một cách khoa học giúp giáo viên tiết kiệm thời gian trong quá trình giảng dạy và tối ưu hóa hiệu quả bài học, đồng thời mang lại trải nghiệm học tập tốt nhất cho học sinh.

Sau khi sưu tầm, giáo viên cần chỉnh sửa tư liệu sao cho phù hợp với nội dung bài học và học sinh lớp 5. Những phần thông tin dài, khó hiểu hoặc không liên quan cần được lược bỏ. Ví dụ, video có thể được cắt ngắn, hình ảnh được làm rõ và thêm chú thích để học sinh dễ hiểu hơn.

Ngôn ngữ trong tư liệu nên đơn giản, tránh thuật ngữ chuyên môn phức tạp; nếu có, cần bổ sung giải thích hoặc hình minh họa. Tiếp theo, giáo viên sắp xếp tư liệu theo từng phần bài học (mở đầu, minh họa, thực hành...) để dễ sử dụng khi dạy. Tài liệu số nên được lưu trữ khoa học trong máy tính hoặc nền tảng trực tuyến; mẫu vật cần được bảo quản cẩn thận.

Giáo viên cũng nên lập kế hoạch sử dụng cụ thể, ghi rõ thời điểm và mục đích dùng tư liệu trong mỗi bài học. Cuối cùng, cần giữ sự linh hoạt trong tổ chức và điều chỉnh tư liệu theo tình huống lớp học để tối ưu hiệu quả giảng dạy.

2.1.2.6. Bảo quản và lưu trữ:

Bảo quản và lưu trữ tư liệu là một bước quan trọng trong quá trình chuẩn bị giảng dạy, nhằm đảm bảo rằng các tài liệu sưu tầm có thể được sử dụng lâu dài và tái sử dụng một cách hiệu quả trong nhiều bài học khác nhau. Việc bảo quản cẩn thận không chỉ giúp giáo viên tiết kiệm thời gian và công sức trong việc chuẩn bị lại tư liệu cho các năm học sau, mà còn hỗ trợ việc chia sẻ và hợp tác giữa các giáo viên để nâng cao chất lượng giảng dạy.

Trước hết, giáo viên cần phân loại và tổ chức tư liệu sưu tầm một cách khoa học để dễ dàng sử dụng. Tư liệu số như hình ảnh, video nên được lưu trên máy tính hoặc nền tảng trực tuyến (Google Drive, Dropbox...), đặt tên rõ ràng và sắp xếp theo chủ đề. Tư liệu vật lý như sách, mô hình cần được bảo quản ở nơi khô ráo, có ghi nhãn và dễ tìm.

Giáo viên có thể số hóa các tài liệu in ấn hoặc mẫu vật để lưu trữ và chia sẻ tiện lợi. Các file quan trọng nên được sao lưu ở nhiều nơi và có biện pháp bảo mật như đặt mật khẩu hoặc giới hạn quyền truy cập. Ngoài ra, cần định kỳ cập nhật nội dung để theo kịp tiến bộ khoa học. Việc lưu trữ hiệu quả còn tạo điều kiện chia sẻ với đồng nghiệp, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy.

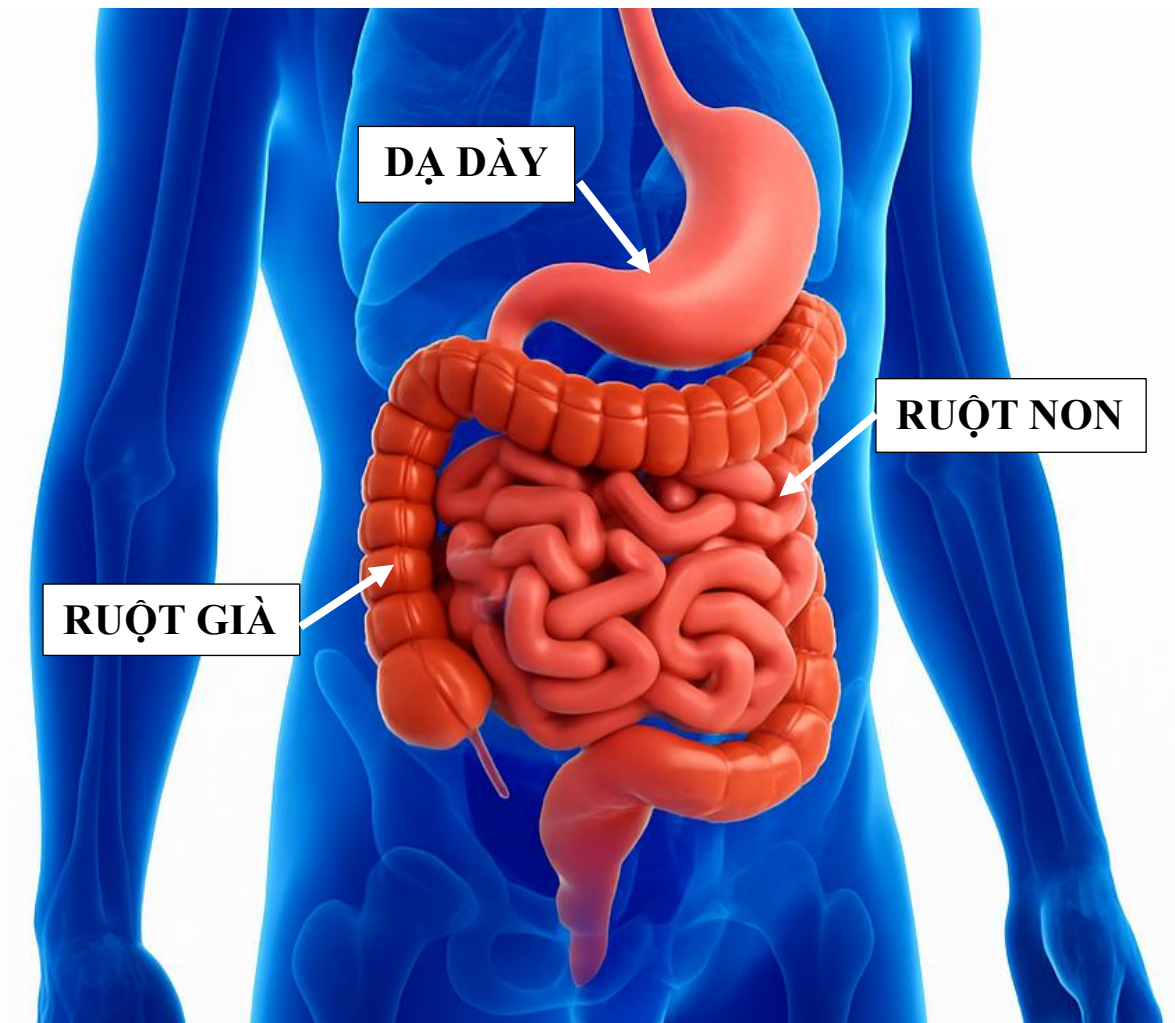
2.1.3. Kết quả sưu tầm

2.1.3.1. Hình ảnh minh họa

a. Các hình ảnh chi tiết về cấu tạo cơ thể người, bao gồm hệ tiêu hóa, hệ tuần hoàn, hệ hô hấp và hệ thần kinh

Hệ tiêu hóa:

Cấu tạo và chức năng của hệ tiêu hóa: Hệ tiêu hóa bao gồm các cơ quan như miệng, hầu, thực quản, dạ dày, ruột non, ruột già và hậu môn. Các cơ quan này được kết nối bởi các ống tiêu hóa như dạ dày, ruột non và ruột già.

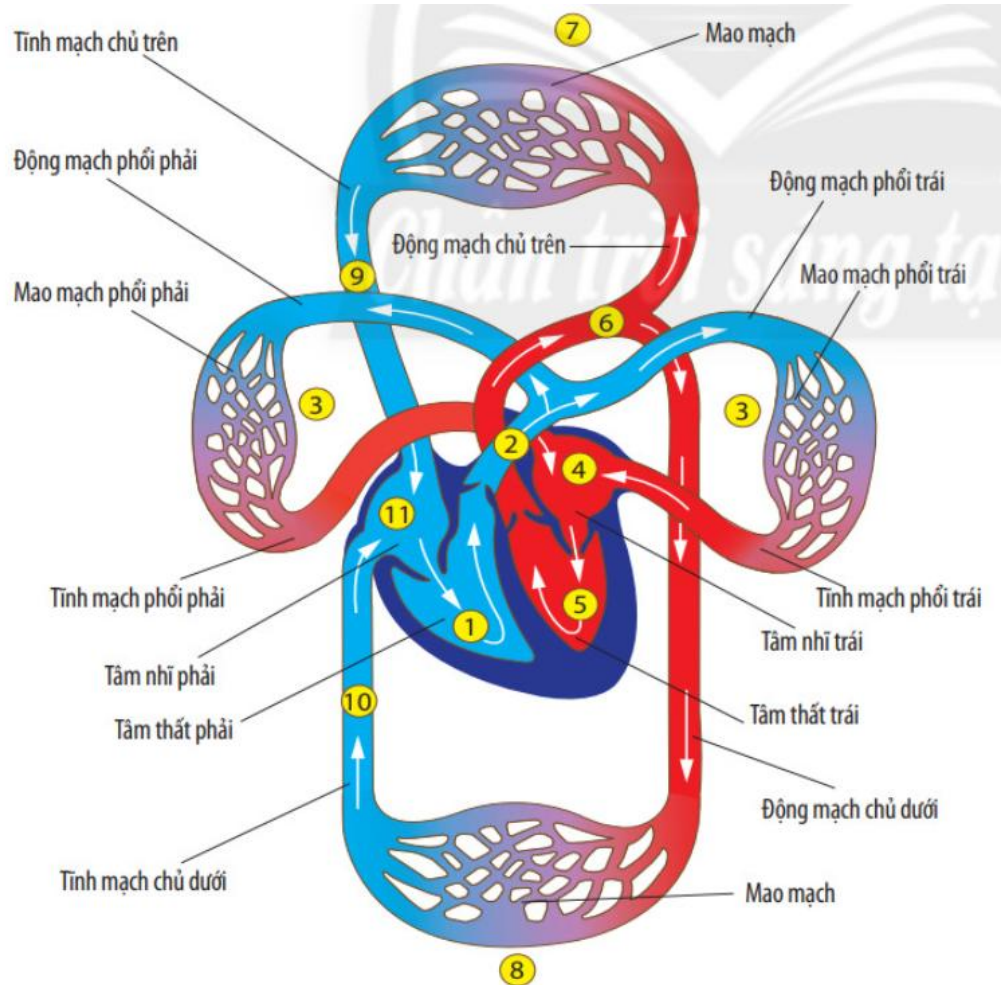


Hình 0.1. Hình ảnh về hệ tiêu hóa



Hình 0.2. Mô hình giải phẫu hệ tiêu hóa

Hệ tuần hoàn:



Hình 0.3. Hình ảnh về hệ tuần hoàn

Sơ đồ hệ tuần hoàn ở người: Hệ tuần hoàn là một hệ thống mạng lưới bao gồm bạch huyết, máu và các mạch máu trong cơ thể. Hệ thống này có chức năng giúp vận chuyển oxy, chất dinh dưỡng và các hormone cần thiết đi đến khắp các tế bào để nuôi dưỡng và cải thiện hoạt động tốt hơn.



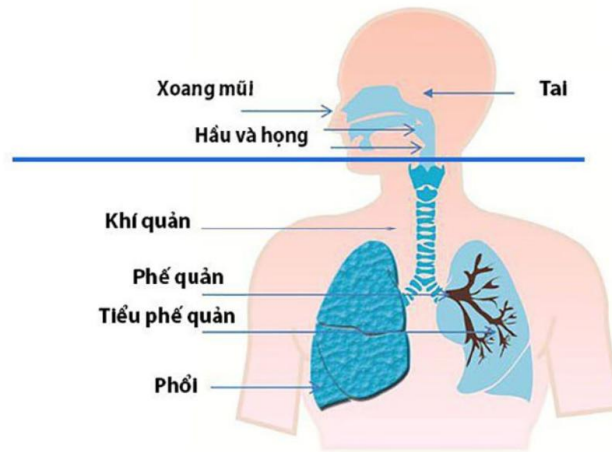
Hình 0.4. Cấu tạo hệ tuần hoàn

Hệ hô hấp:

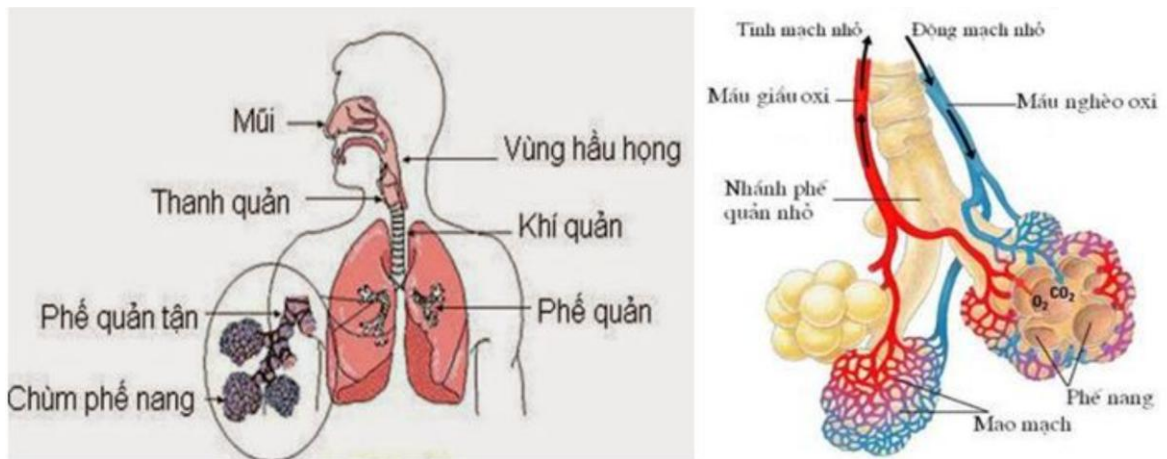
Cấu tạo hệ hô hấp: Hệ hô hấp bao gồm các cơ quan như mũi, hầu, thanh quản, khí quản, phế quản và phổi. Hệ thống này có chức năng trao đổi khí, cung cấp oxy cho cơ thể và loại bỏ khí carbon dioxide.

**ĐƯỜNG
HÔ HẤP
TRÊN**

**ĐƯỜNG
HÔ HẤP
DƯỚI**



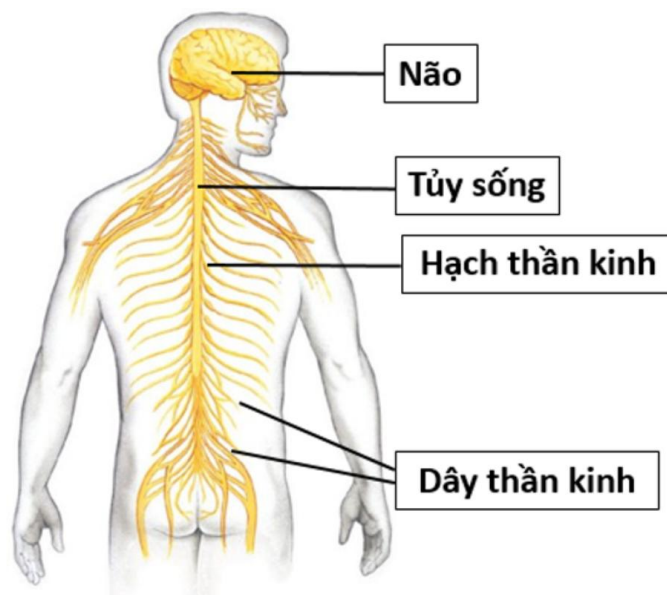
Hình 0.5. Hình ảnh về hệ hô hấp



Hình 0.6. Hệ hô hấp và cơ quan hô hấp

Hệ thần kinh:

Cấu tạo hệ thần kinh: Hệ thần kinh bao gồm não, tủy sống và các dây thần kinh. Hệ thống này điều khiển và điều phối các hoạt động của cơ thể, bao gồm cảm giác, tư duy và vận động.



Hình 0.7. Hình ảnh về hệ thần kinh

Những hình ảnh và thông tin trên sẽ hỗ trợ học sinh lớp 5 trong việc hiểu rõ hơn về cấu tạo và chức

b. Hình ảnh về các hoạt động bảo vệ sức khỏe như rửa tay đúng cách, ăn uống khoa học, và tập thể dục thường xuyên

Rửa tay đúng cách:

Việc rửa tay đúng cách là biện pháp quan trọng để phòng ngừa bệnh tật. Quy trình rửa tay 6 bước theo tiêu chuẩn Bộ Y tế được minh họa chi tiết trong hình ảnh dưới đây:





Hình 0.8. Hình ảnh minh họa các bước rửa tay đúng cách theo tiêu chuẩn Bộ Y tế

Ăn uống khoa học:

Chế độ ăn uống khoa học giúp cơ thể khỏe mạnh và phòng tránh bệnh tật. Hình ảnh dưới đây minh họa các nguyên tắc cơ bản của một chế độ ăn uống khoa học:



Hình 0.9. Hình ảnh minh họa các nhóm chất dinh dưỡng của chế độ ăn uống khoa học



Hình 0.10. Hình ảnh minh họa tháp cân đối dinh dưỡng

Tập thể dục thường xuyên:

Tập thể dục đều đặn giúp tăng cường sức khỏe và sức đề kháng. Hình ảnh dưới đây minh họa lợi ích của việc tập thể dục thường xuyên:



Hình 0.11. Hình ảnh minh họa 12 lợi ích của tập thể dục thường xuyên



Hình 0.12. Hình ảnh minh họa ích của việc tập thể dục thường xuyên đối với sức khỏe

Những hình ảnh trên sẽ hỗ trợ học sinh trong việc nhận thức và thực hành các hoạt động bảo vệ sức khỏe hàng ngày.

2.1.3.2. Video minh họa

a. Video về quá trình tiêu hóa thức ăn trong cơ thể

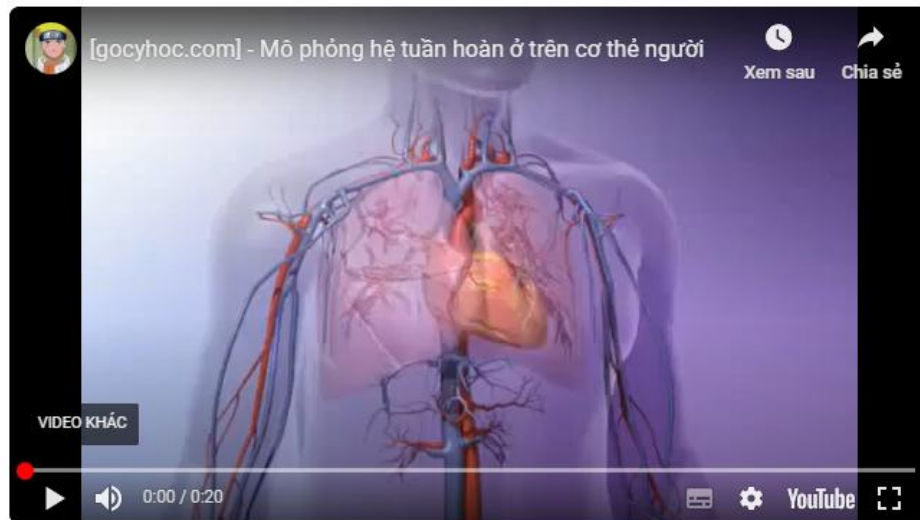
Quá trình tiêu hóa thức ăn ở người: Video này mô tả chi tiết hành trình của thức ăn từ miệng qua các cơ quan tiêu hóa đến khi được hấp thụ và chuyển hóa trong cơ thể.



Nguồn: <https://youtu.be/Lj5fYi-XNkk>

b. Video mô phỏng cách hoạt động của hệ hô hấp và tuần hoàn.

Mô phỏng hệ tuần hoàn ở trên cơ thể người: Video này cung cấp hình ảnh 3D về cấu trúc và chức năng của hệ tuần hoàn, bao gồm tim và mạch máu.



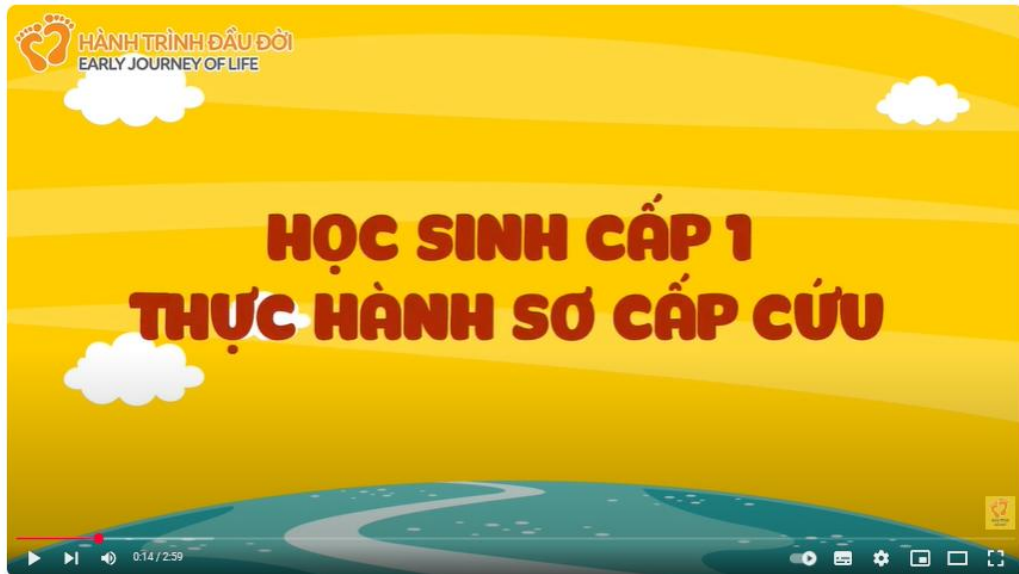
Nguồn: <https://youtu.be/0kTthnzo3I8>

Hoạt động của hệ hô hấp người: Video này giải thích cơ chế hô hấp, cách phổi và các cơ quan liên quan hoạt động để trao đổi khí.



Nguồn: <https://youtu.be/mJx9e2wbFXg>

c. Các video ngắn hướng dẫn sơ cứu cơ bản như xử lý vết thương hoặc hô hấp nhân tạo.



Nguồn: <https://www.youtube.com/watch?v=cg6AqxYrRgk>

2.1.3.3. Mẫu vật và mô hình

a. Các mô hình giải phẫu cơ thể người như mô hình hệ cơ, hệ xương và các cơ quan nội tạng





Hình 0.13. Các mô hình giải phẫu cơ thể người

b. Mẫu vật minh họa các yếu tố bảo vệ sức khỏe như khẩu trang, bàn chải đánh răng, và bộ sơ cứu cơ bản





Hình 0.14. Mẫu vật minh họa các yếu tố bảo vệ sức khỏe như khẩu trang, bàn chải đánh răng, và bộ sơ cứu cơ bản

2.1.3.4. Tài liệu nghiên cứu và thực tế

- World Health Organization. (2020, April 29). Healthy diet. <https://www.who.int/news-room/fact-sheets/detail/healthy-diet>

"Chế độ ăn uống lành mạnh bao gồm: trái cây, rau, các loại đậu, các loại hạt và ngũ cốc nguyên hạt (như ngô chưa qua chế biến, kê, yến mạch, lúa mì và gạo lứt)."

- World Health Organization. (n.d.). Nutrition. <https://www.who.int/health-topics/nutrition>

"Trẻ em khỏe mạnh học tốt hơn. Những người có dinh dưỡng đầy đủ năng suất hơn và có thể tạo ra cơ hội để dần dần phá vỡ các vòng luẩn quẩn của đói nghèo và đói kém."

"Ước tính gần đây nhất cho thấy toàn cầu có 149,2 triệu trẻ em dưới 5 tuổi bị thấp còi (quá thấp so với tuổi) và 45,4 triệu trẻ em bị gầy còm (thiếu cân so với chiều cao)."

- World Health Organization. (n.d.). Obesity and overweight. <https://www.who.int/news-room/fact-sheets/detail/obesity-and-overweight>
"Béo phì có thể dẫn đến tăng nguy cơ mắc bệnh tiểu đường loại 2 và bệnh tim, ảnh hưởng đến sức khỏe xương và sinh sản, và tăng nguy cơ mắc một số loại ung thư."
"Béo phì ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống, chẳng hạn như giấc ngủ hoặc khả năng di chuyển."
- Hơn 390 triệu trẻ em và thanh thiếu niên từ 5-19 tuổi bị thừa cân hoặc béo phì."
- Bộ Y tế. (2020). Kết quả Tổng điều tra Dinh dưỡng năm 2019-2020. https://moh.gov.vn/tin-noi-bat/-/asset_publisher/3Yst7YhbkA5j/content/bo-y-te-cong-bo-ket-qua-tong-ieu-tra-dinh-duong-nam-2019-2020
"Năm 2020, năng lượng trung bình trong khẩu phần ăn của người dân đạt 2023 kcal/người/ngày, tăng nhẹ so với 1925 kcal/người/ngày năm 2010."
"Tiêu thụ rau quả tăng: rau từ 190,4g lên 231,0g/người/ngày; quả chín từ 60,9g lên 140,7g/người/ngày. Tuy nhiên, mức này chỉ đạt khoảng 66,4% – 77,4% so với nhu cầu khuyến nghị."
"Tiêu thụ thịt tăng từ 84,0g lên 136,4g/người/ngày; khu vực thành thị có mức tiêu thụ cao hơn nông thôn."
"Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng muối i-ốt đủ tiêu chuẩn chỉ chiếm 27%, thấp hơn nhiều so với khuyến cáo của WHO là trên 90%."

2.2. Sử dụng tư liệu thực tiễn trong dạy học chủ đề “Con người và sức khỏe”, môn Khoa học 5

2.2.1. Sử dụng tư liệu thực tiễn trong hoạt động mở đầu

Hoạt động mở đầu đóng vai trò quan trọng trong việc thu hút sự chú ý và khơi gợi hứng thú học tập của học sinh. Đây là giai đoạn giúp học sinh kết nối kiến thức mới với những vấn đề thực tế quen thuộc, tạo nền tảng vững chắc để học sinh sẵn sàng tiếp thu các nội dung chính trong bài học. Tư liệu thực tiễn, với tính sinh động và gần gũi, là một công cụ hữu hiệu để thực hiện mục tiêu này.

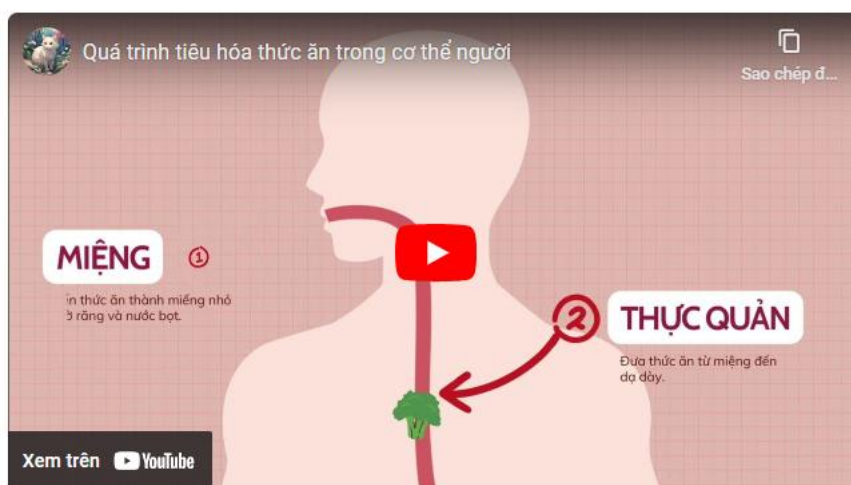
2.2.1.1. Mục tiêu

Hoạt động mở đầu hướng đến việc tạo sự tò mò, kích thích tư duy, và dẫn dắt học sinh vào nội dung chính của bài học. Thông qua các tư liệu thực tiễn như video minh họa, câu chuyện thực tế hoặc hình ảnh sống động, học sinh được khơi dậy trí tò mò và hứng thú khám phá kiến thức mới. Đồng thời, hoạt động này giúp kết nối bài học với các trải nghiệm quen thuộc trong cuộc sống của học sinh, làm cho nội dung bài học trở nên gần gũi và dễ hiểu hơn.

2.2.1.2. Tiến hành

a. Trình chiếu video minh họa

Giáo viên bắt đầu hoạt động mở đầu bằng cách trình chiếu một đoạn video ngắn (1-2 phút) minh họa quá trình tiêu hóa thức ăn trong cơ thể người. Video được thiết kế với đồ họa sinh động, sử dụng màu sắc và hình ảnh trực quan để mô phỏng hành trình của thức ăn từ miệng qua thực quản, dạ dày, ruột non, và ruột già.



Hình 0.15. Video về quá trình tiêu hóa thức ăn trong cơ thể người

Nguồn: <https://youtu.be/28ZQ5GT-x4o>

b. Đặt câu hỏi kích thích tư duy:

Sau khi học sinh xem xong video, giáo viên đặt một số câu hỏi mở nhằm khơi gợi sự tò mò và kích thích tư duy. Các câu hỏi được thiết kế để hướng học sinh suy nghĩ về mối liên hệ giữa thức ăn và sức khỏe của cơ thể, chẳng hạn:

“Các em có bao giờ tự hỏi thức ăn chúng ta ăn vào sẽ đi đâu và làm gì trong cơ thể không?”

“Tại sao chúng ta cần ăn đầy đủ chất dinh dưỡng để cơ thể khỏe mạnh?”

c. Thảo luận nhóm:

Học sinh được yêu cầu thảo luận ngắn gọn với bạn bên cạnh để trả lời các câu hỏi. Giáo viên lắng nghe các ý kiến từ học sinh và ghi lại những câu trả lời tiêu biểu lên bảng. Việc này không chỉ khuyến khích học sinh tham gia tích cực mà còn tạo môi trường học tập hợp tác, nơi các em có thể chia sẻ và học hỏi lẫn nhau.

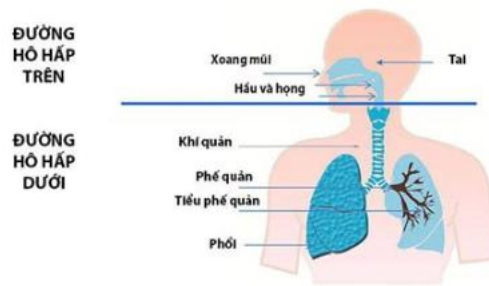
2.2.1.3. Tư liệu thực tiễn

Trong hoạt động mở đầu này, tư liệu chính là video minh họa về quá trình tiêu hóa thức ăn. Video được chọn phải đảm bảo các tiêu chí như tính chính xác khoa học, tính trực quan sinh động, và phù hợp với trình độ nhận thức của học sinh lớp 5.

2.2.1.4. Hiệu quả

Hoạt động mở đầu sử dụng tư liệu thực tiễn mang lại nhiều hiệu quả tích cực. Trước hết, học sinh cảm thấy hứng thú với bài học, vì nội dung được trình bày qua các hình ảnh và video sống động, dễ hiểu. Việc đặt câu hỏi kích thích tư duy và tổ chức thảo luận nhóm giúp học sinh phát triển kỹ năng tư duy phản biện, khả năng hợp tác, và kỹ năng giao tiếp. Quan trọng hơn, hoạt động này tạo một cầu nối tự nhiên giữa những khái niệm trừu tượng trong bài học với các hiện tượng thực tế mà học sinh có thể dễ dàng liên hệ.

Hình minh họa hiệu quả hoạt động



Học sinh thảo luận nhóm về các câu hỏi liên quan đến bài học

Việc sử dụng tư liệu thực tiễn trong hoạt động mở đầu không chỉ làm tăng tính hấp dẫn của bài học mà còn khuyến khích học sinh tích cực tham gia vào quá trình học tập. Hoạt động này đặt nền tảng vững chắc cho các giai đoạn tiếp theo của bài giảng, giúp học sinh tiếp cận và hiểu sâu hơn các nội dung kiến thức mới. Giáo viên cần linh hoạt và sáng tạo trong việc lựa chọn và triển khai các tư liệu thực tiễn để đạt được hiệu quả giáo dục cao nhất.

2.2.2. Sử dụng tư liệu thực tiễn trong hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động hình thành kiến thức mới là giai đoạn trọng tâm của bài học, nơi học sinh tiếp nhận các kiến thức chính yếu và xây dựng nền tảng tư duy khoa học. Trong hoạt động này, việc sử dụng tư liệu thực tiễn không chỉ giúp học sinh dễ dàng hình dung và tiếp thu nội dung phức tạp mà còn làm cho bài giảng trở nên sinh động, gần gũi và thực tế hơn.

2.2.2.1. Mục tiêu

- Hoạt động hình thành kiến thức mới nhằm giúp học sinh:
- Hiểu được cấu tạo và chức năng của hệ tiêu hóa và hệ tuần hoàn trong cơ thể.
- Nắm bắt vai trò của các yếu tố như dinh dưỡng, vận động và vệ sinh cá nhân đối với việc duy trì sức khỏe tốt.
- Mục tiêu này không chỉ tập trung vào việc cung cấp kiến thức mà còn hướng đến phát triển tư duy phân tích và khả năng liên hệ thực tế của học sinh.

2.2.2.2. Tiến hành

a. Giảng dạy về hệ tiêu hóa:

Giáo viên bắt đầu bài học bằng cách sử dụng mô hình giải phẫu hệ tiêu hóa để minh họa trực quan các cơ quan như miệng, thực quản, dạ dày, ruột non, và ruột già. Mô hình này cho phép học sinh quan sát cấu trúc thực tế của hệ tiêu hóa, từ đó hiểu rõ hơn về chức năng của từng bộ phận.

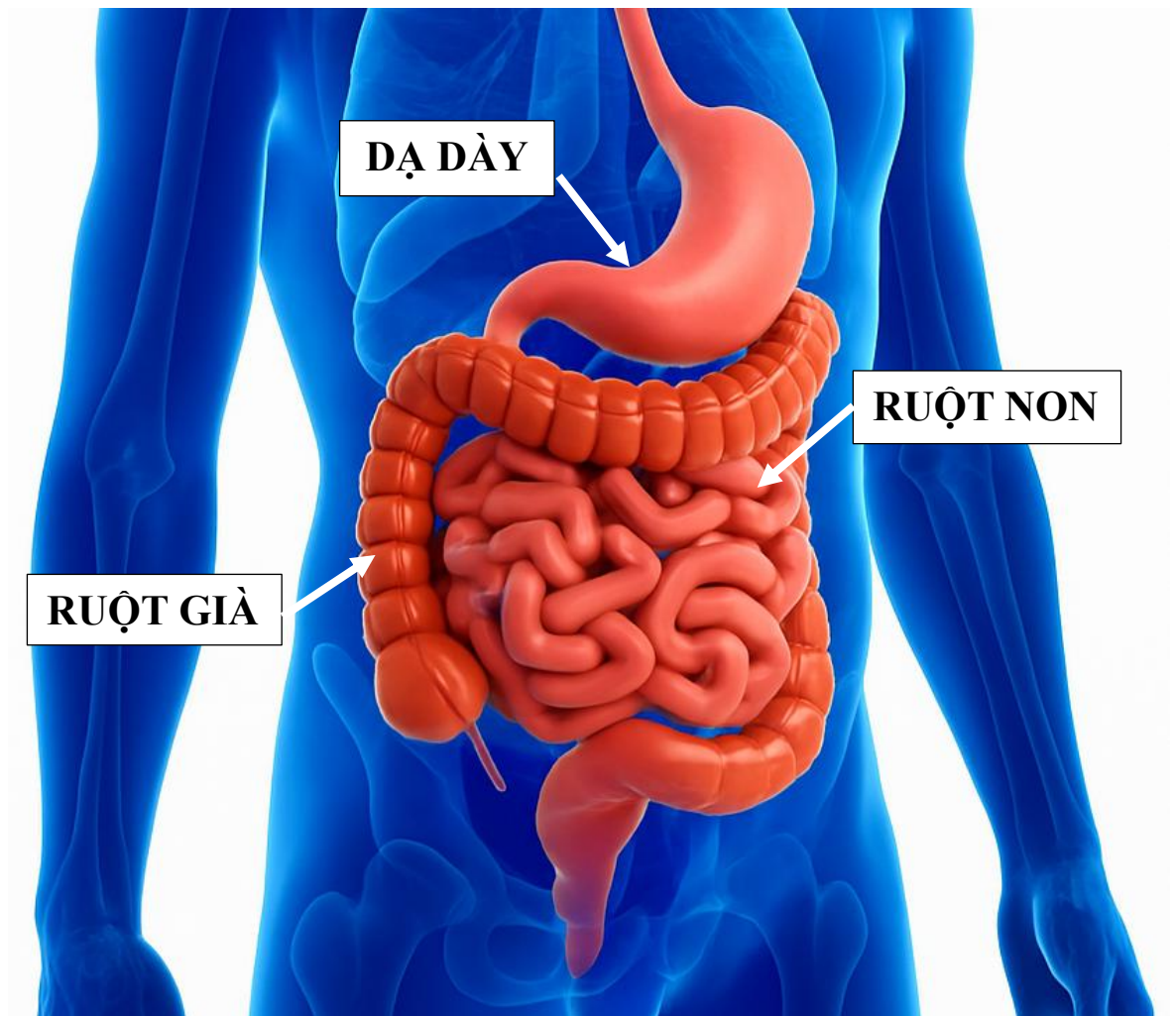
Giáo viên giải thích chi tiết quá trình tiêu hóa thức ăn, từ việc nhai và nghiền ở miệng, đến việc chuyển hóa thức ăn thành chất dinh dưỡng trong dạ dày và ruột non.

Học sinh quan sát mô hình và tham gia thảo luận với các câu hỏi:

- “Thức ăn sẽ được xử lý như thế nào khi đi qua từng cơ quan này?”
- “Tại sao dạ dày cần dịch tiêu hóa để phân giải thức ăn?”

Hình minh họa:

Mô hình minh họa chi tiết cấu trúc và chức năng của hệ tiêu hóa



b. Giảng dạy về hệ tuần hoàn:

Tiếp theo, giáo viên chiếu video minh họa hoặc hình ảnh về quá trình tuần hoàn máu trong cơ thể. Video này mô tả cách tim bơm máu, vai trò của mạch máu trong việc vận chuyển oxy và chất dinh dưỡng đến các cơ quan.

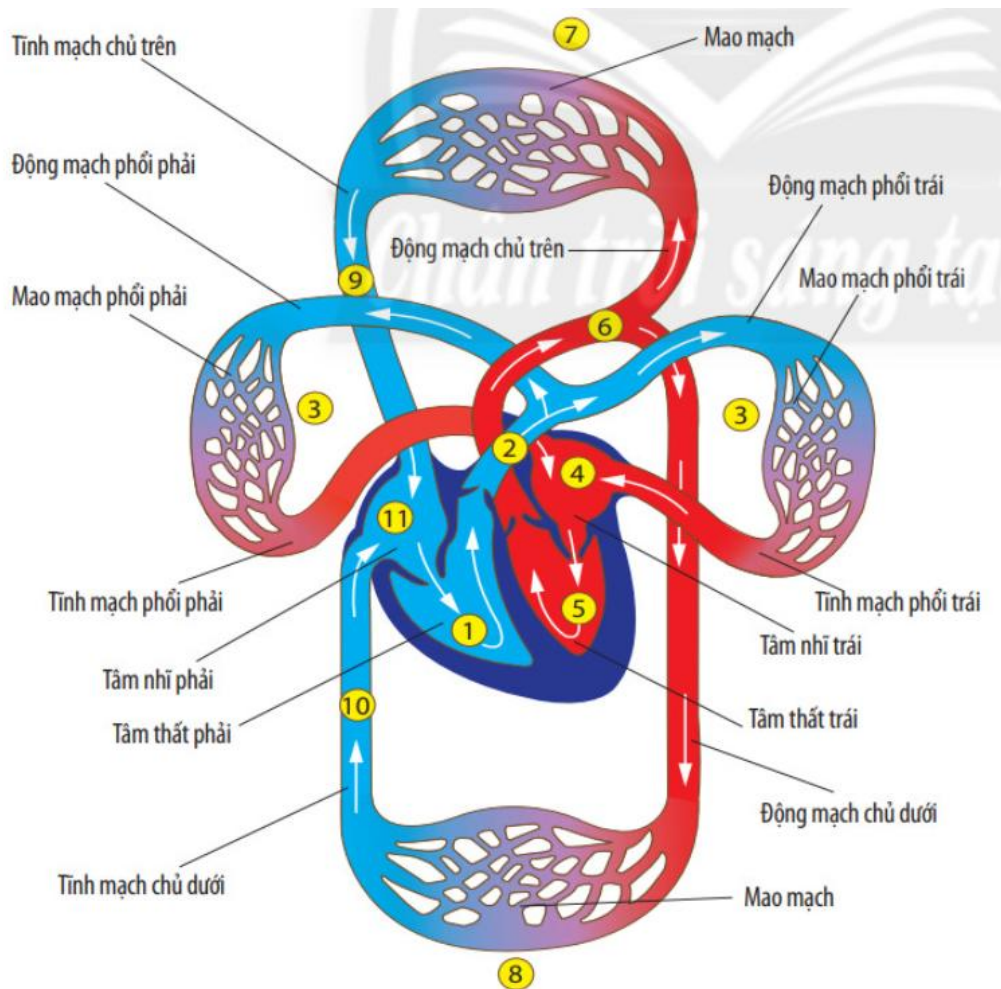
Giáo viên yêu cầu học sinh chỉ ra các cơ quan liên quan trong sơ đồ tuần hoàn và giải thích tầm quan trọng của hệ tuần hoàn trong việc duy trì sự sống.

Các câu hỏi thảo luận như:

- “Oxy được vận chuyển như thế nào từ phổi đến các cơ quan trong cơ thể?”
- “Tại sao chúng ta cần vận động để hỗ trợ hệ tuần hoàn hoạt động tốt hơn?”

Hình minh họa:

Hình ảnh minh họa cấu trúc và hoạt động của hệ tuần hoàn trong cơ thể người



c. Dinh dưỡng và vệ sinh cá nhân:

Trong phần này, giáo viên trình chiếu hình ảnh về các nhóm thực phẩm (rau củ, trái cây, thịt, cá, ngũ cốc) để minh họa vai trò của chế độ ăn uống cân bằng đối với sức khỏe.

Giáo viên đặt câu hỏi:

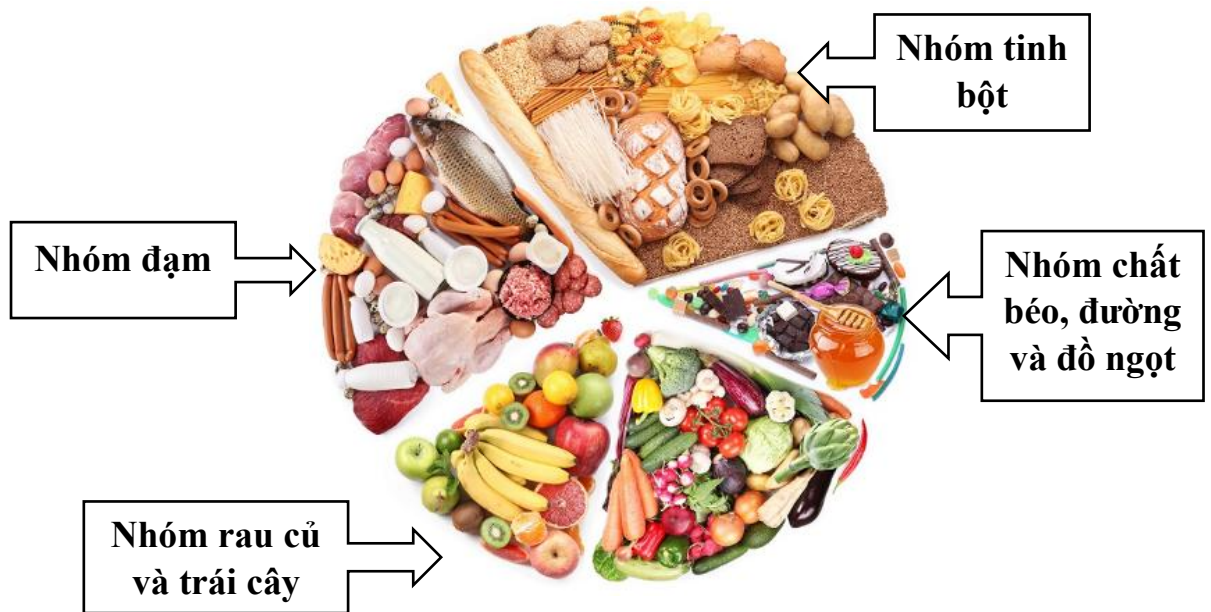
- “Các em nghĩ nhóm thực phẩm nào là cần thiết nhất cho cơ thể? Tại sao?”

Sau thảo luận, giáo viên giải thích thêm về vai trò của từng nhóm thực phẩm, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc ăn uống đầy đủ và cân đối.

Giáo viên cũng trình bày hình ảnh về các thực hành vệ sinh cá nhân như rửa tay đúng cách và đánh răng thường xuyên, khuyến khích học sinh áp dụng vào cuộc sống hàng ngày.

Hình minh họa:

Hình ảnh minh họa chế độ ăn uống khoa học và cân bằng



Hướng dẫn rửa tay đúng cách theo tiêu chuẩn y tế





2.2.2.3. Tư liệu thực tiễn

Mô hình giải phẫu cơ thể: Bao gồm mô hình hệ tiêu hóa và hệ tuần hoàn, giúp học sinh hình dung rõ hơn về cấu trúc và chức năng của các cơ quan.

Hình ảnh minh họa: Các hình ảnh trực quan về hệ tuần hoàn, hệ tiêu hóa và các nhóm thực phẩm.

Video ngắn: Video mô phỏng quá trình tuần hoàn máu và tiêu hóa thức ăn, cung cấp góc nhìn động và trực quan hơn.

2.2.2.4. Hiệu quả

Việc sử dụng tư liệu thực tiễn trong hoạt động hình thành kiến thức mới mang lại nhiều lợi ích đáng kể. Học sinh không chỉ hiểu rõ các kiến thức lý thuyết mà còn phát triển kỹ năng quan sát, phân tích và liên hệ thực tế. Các mô hình và video minh họa giúp học sinh hình dung rõ ràng hơn về các hệ cơ quan phức tạp, trong khi các hình ảnh về thực phẩm và vệ sinh cá nhân khuyến khích học sinh áp dụng kiến thức vào cuộc sống.

Việc tích hợp tư liệu thực tiễn làm tăng sự hứng thú học tập, giúp học sinh tham gia tích cực vào bài học và ghi nhớ kiến thức lâu hơn. Đồng thời, hoạt động này còn giúp giáo viên giải thích các nội dung phức tạp một cách dễ hiểu và sinh động hơn, nâng cao chất lượng giảng dạy.

2.2.3. Sử dụng tư liệu thực tiễn trong hoạt động luyện tập – vận dụng

Hoạt động luyện tập – vận dụng là giai đoạn quan trọng trong quá trình dạy học, giúp củng cố kiến thức đã học và khuyến khích học sinh áp dụng vào các tình huống thực tế. Đây không chỉ là cơ hội để học sinh hiểu sâu hơn nội dung bài học mà còn phát triển các kỹ năng thực hành, tư duy sáng tạo, và khả năng giải quyết

vấn đề. Việc sử dụng tư liệu thực tiễn trong giai đoạn này làm cho các bài tập trở nên sinh động, thú vị và gắn liền với cuộc sống hàng ngày của học sinh.

2.2.3.1. Mục tiêu

Hoạt động luyện tập – vận dụng hướng đến hai mục tiêu chính:

- **Củng cố kiến thức:** Học sinh được ôn tập và kiểm tra lại các nội dung trọng tâm đã học về hệ tiêu hóa, hệ tuần hoàn, và dinh dưỡng.

- **Rèn luyện kỹ năng:** Học sinh phát triển khả năng áp dụng kiến thức vào các tình huống thực tế như nhận diện thực phẩm tốt cho sức khỏe, thực hành rửa tay đúng cách, và bảo vệ các hệ cơ quan quan trọng.

2.2.3.2. Tiến hành

a. Hoạt động nhóm:

Giáo viên tổ chức học sinh thành 4 nhóm, mỗi nhóm đảm nhận một nhiệm vụ khác nhau nhằm phát triển kỹ năng làm việc nhóm và tư duy sáng tạo.

Nhóm 1: Thực hành ghép các bộ phận của hệ tiêu hóa trên mô hình.

Học sinh sử dụng mô hình giải phẫu hệ tiêu hóa để lắp ráp lại các cơ quan như miệng, dạ dày, ruột non, và ruột già.

Giáo viên đặt câu hỏi để kiểm tra sự hiểu biết của học sinh:

“Các em hãy chỉ ra đường đi của thức ăn từ khi vào miệng đến khi được bài tiết.”

Hình minh họa:



Học sinh lắp ráp mô hình hệ tiêu hóa và thảo luận chức năng của từng cơ quan.

Nhóm 2: Thảo luận và trình bày các thói quen tốt giúp bảo vệ hệ tiêu hóa.

Học sinh thảo luận về các thói quen như ăn uống đúng giờ, hạn chế thức ăn nhanh, và tránh căng thẳng.

Đại diện nhóm trình bày các kết luận và trả lời câu hỏi của giáo viên.

Hình minh họa:



Học sinh thảo luận và liệt kê các thói quen tốt cho hệ tiêu hóa.

Nhóm 3: Lập danh sách các thực phẩm tốt cho sức khỏe và giải thích lý do.

Học sinh sử dụng các hình ảnh minh họa về thực phẩm để chọn ra những loại thực phẩm tốt cho sức khỏe, sau đó giải thích vai trò của chúng. Ví dụ: rau xanh cung cấp chất xơ, trái cây giàu vitamin, và cá là nguồn protein tốt.

Hình minh họa:



Danh sách thực phẩm tốt cho sức khỏe được học sinh trình bày sinh động.

Nhóm 4: Thực hành rửa tay đúng cách với sự hỗ trợ của giáo viên và tài liệu minh họa.

Giáo viên chuẩn bị bộ dụng cụ rửa tay thực hành gồm xà phòng, nước sạch, và khăn lau. Học sinh thực hành theo quy trình rửa tay 6 bước do Bộ Y tế hướng dẫn.

Hình minh họa:



Học sinh thực hành rửa tay đúng cách để bảo vệ sức khỏe cá nhân.

b. Hoạt động cá nhân:

Mỗi học sinh được phát một phiếu bài tập cá nhân với các câu hỏi liên quan đến bài học:

“Hãy mô tả ngắn gọn chức năng của dạ dày.”

“Nêu hai biện pháp giúp duy trì hệ tuần hoàn khỏe mạnh.”

Học sinh viết câu trả lời dựa trên kiến thức đã học và trình bày ngắn gọn trong giờ học.

c. Trình bày kết quả:

Đại diện từ mỗi nhóm lên trình bày kết quả làm việc trước lớp. Giáo viên nhận xét, bổ sung, và khen ngợi các ý tưởng sáng tạo hoặc câu trả lời xuất sắc. Các câu trả lời và trình bày được tổng hợp để tạo thành một bản tóm tắt kiến thức chung cho cả lớp.

2.2.3.3. Tư liệu thực tiễn

- Mô hình giải phẫu hệ tiêu hóa: Dùng để thực hành ghép các bộ phận và minh họa chức năng của từng cơ quan.

- Hình ảnh minh họa thói quen lành mạnh: Hỗ trợ nhóm thảo luận về các thực hành tốt cho sức khỏe.

- Bộ dụng cụ rửa tay thực hành: Bao gồm xà phòng và nước sạch, giúp học sinh thực hành rửa tay đúng cách.

2.2.3.4. Hiệu quả

Hoạt động luyện tập – vận dụng sử dụng tư liệu thực tiễn đã tạo điều kiện để học sinh vừa củng cố kiến thức lý thuyết vừa phát triển các kỹ năng thực hành. Các mô hình giải phẫu, hình ảnh minh họa, và dụng cụ thực hành làm cho bài học trở nên sinh động, gần gũi với đời sống.

Học sinh không chỉ nhớ lâu hơn các kiến thức đã học mà còn hình thành thói quen tốt, biết cách bảo vệ sức khỏe cá nhân và áp dụng kiến thức vào thực tế. Đồng thời, hoạt động nhóm và cá nhân khuyến khích sự hợp tác, sáng tạo và trách nhiệm của học sinh, góp phần nâng cao hiệu quả giảng dạy và học tập.

2.3. Đánh giá hiệu quả của việc sưu tầm và sử dụng tư liệu thực tiễn trong dạy học chủ đề “Con người và sức khỏe”, môn Khoa học 5

Việc sưu tầm và sử dụng tư liệu thực tiễn trong dạy học chủ đề “Con người và sức khỏe” mang lại nhiều hiệu quả tích cực, không chỉ đối với quá trình học tập của học sinh mà còn nâng cao chất lượng giảng dạy của giáo viên. Các tư liệu này đóng vai trò quan trọng trong việc làm bài học trở nên sinh động, hấp dẫn, giúp học sinh dễ dàng hình dung các khái niệm trừu tượng và liên hệ với thực tế cuộc sống.

Trước hết, tư liệu thực tiễn đã giúp bài học trở nên trực quan hơn, qua đó tăng cường khả năng tiếp thu của học sinh. Ví dụ, việc sử dụng mô hình giải phẫu cơ thể người để minh họa cấu tạo và chức năng của các cơ quan như hệ tiêu hóa, hệ tuần hoàn, hay hệ hô hấp giúp học sinh hiểu rõ hơn về cách các cơ quan hoạt động và phối hợp với nhau. Những hình ảnh minh họa và video mô phỏng không chỉ hỗ trợ học sinh hình dung rõ ràng các quá trình sinh học mà còn khơi dậy sự tò mò và hứng thú khám phá. Điều này đặc biệt quan trọng đối với học sinh lớp 5, lứa tuổi còn nhiều hạn chế về tư duy trừu tượng nhưng lại rất nhạy bén với các hình ảnh và hoạt động thực tế.

Bên cạnh đó, tư liệu thực tiễn còn giúp kết nối kiến thức lý thuyết với thực tiễn cuộc sống, từ đó tăng cường khả năng áp dụng kiến thức của học sinh. Các hoạt động như thực hành ghép mô hình hệ tiêu hóa, lập danh sách thực phẩm tốt cho sức khỏe, hay thực hành rửa tay đúng cách không chỉ củng cố kiến thức mà còn trang bị cho học sinh những kỹ năng thực tế quan trọng. Học sinh không chỉ biết cách bảo vệ sức khỏe cá nhân mà còn ý thức hơn về vai trò của bản thân trong việc duy trì và cải thiện chất lượng cuộc sống, từ đó xây dựng thói quen sống lành mạnh và ý thức trách nhiệm với cộng đồng.

Ngoài ra, việc sử dụng tư liệu thực tiễn còn nâng cao khả năng tư duy phân tích, sáng tạo và hợp tác của học sinh. Trong các hoạt động nhóm, học sinh được khuyến khích thảo luận, chia sẻ ý kiến, và giải quyết vấn đề dựa trên những thông tin thực tế mà tư liệu mang lại. Việc này không chỉ giúp các em phát triển kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm mà còn xây dựng sự tự tin và khả năng diễn đạt ý tưởng. Đồng thời, các bài tập cá nhân dựa trên tư liệu thực tiễn, như trả lời câu hỏi về chức năng của dạ dày hay biện pháp duy trì sức khỏe, đã rèn luyện khả năng suy luận và liên hệ thực tế của học sinh.

Về phía giáo viên, việc sưu tầm và sử dụng tư liệu thực tiễn đã cải thiện đáng kể hiệu quả giảng dạy. Thay vì truyền đạt kiến thức một cách khô khan, giáo viên có thể kết hợp các tư liệu như hình ảnh, video, và mô hình để làm bài học trở nên sinh động và dễ hiểu hơn. Điều này không chỉ giúp tiết kiệm thời gian giảng dạy mà còn tạo ra môi trường học tập tích cực, nơi học sinh chủ động khám phá và tìm hiểu kiến thức. Việc sử dụng tư liệu thực tiễn cũng giúp giáo viên dễ dàng hơn trong việc đánh giá mức độ hiểu bài của học sinh, từ đó điều chỉnh phương pháp giảng dạy phù hợp hơn với nhu cầu và khả năng của từng đối tượng.

Tuy nhiên, việc sưu tầm và sử dụng tư liệu thực tiễn cũng đặt ra một số thách thức, như đòi hỏi giáo viên phải có sự chuẩn bị kỹ lưỡng về cả thời gian lẫn kỹ năng. Không phải lúc nào giáo viên cũng có đủ nguồn lực để tìm kiếm và chuẩn bị các tư liệu phù hợp, đặc biệt khi điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường còn hạn chế. Điều này đòi hỏi sự hỗ trợ từ phía nhà trường, như cung cấp thêm các khóa đào tạo về kỹ năng sử dụng tư liệu thực tiễn hoặc đầu tư vào các thiết bị hỗ trợ giảng dạy.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Chương 2 của đề tài đã tập trung làm rõ quá trình sưu tầm và sử dụng tư liệu thực tiễn trong dạy học chủ đề “Con người và sức khỏe” thuộc môn Khoa học lớp 5. Trên cơ sở lý luận vững chắc đã trình bày ở chương 1, chương này tiến hành cụ thể hóa bằng những hoạt động thực tiễn, bao gồm các nguyên tắc, quy trình sưu tầm và kết quả sưu tầm tư liệu thực tiễn. Việc lựa chọn và xây dựng tư liệu bám sát mục tiêu giáo dục, phù hợp với nội dung chương trình và đặc điểm nhận thức của học sinh lớp 5, đã đảm bảo tính khả thi và hiệu quả khi áp dụng vào thực tế giảng dạy.

Không dừng lại ở việc xây dựng kho tư liệu, chương này cũng đã làm rõ cách sử dụng các tư liệu thực tiễn trong từng hoạt động dạy học cụ thể: từ hoạt động khởi động, hình thành kiến thức mới, đến luyện tập và vận dụng. Mỗi bước đều được tổ chức hợp lý với sự tham gia tích cực của học sinh thông qua các hình thức cá nhân, nhóm và thảo luận tập thể. Nhờ đó, việc tiếp nhận kiến thức không còn là quá trình một chiều từ giáo viên đến học sinh, mà trở thành hoạt động học tập tích cực, trong đó học sinh đóng vai trò chủ thể – tự khám phá, phân tích và áp dụng tri thức vào những tình huống thực tiễn gắn liền với cuộc sống.

Bên cạnh đó, chương 2 còn khẳng định hiệu quả rõ rệt của tư liệu thực tiễn. Kết quả khảo sát, phỏng vấn giáo viên và quan sát lớp học cho thấy việc sử dụng tư liệu thực tiễn đã góp phần quan trọng vào việc tăng cường hứng thú học tập, nâng cao khả năng tư duy, kỹ năng thực hành, cũng như giúp học sinh hiểu sâu và nhớ lâu kiến thức hơn. Học sinh trở nên tự tin hơn khi trình bày vấn đề, chủ động hơn trong việc hợp tác nhóm và mạnh dạn đưa ra các ý tưởng sáng tạo, góp phần tích cực vào tiến trình đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực.

Chương 2 không chỉ minh chứng cho tính khả thi và cần thiết của việc sưu tầm, sử dụng tư liệu thực tiễn trong giảng dạy chủ đề “Con người và sức khỏe”, mà còn chỉ ra những điều kiện để việc này đạt được hiệu quả cao. Qua đó, góp phần hoàn thiện hơn lý luận và thực tiễn của việc đổi mới phương pháp dạy học môn Khoa học ở bậc tiểu học. Đây sẽ là nền tảng quan trọng để đưa ra các đề xuất, kiến nghị cụ thể, nhằm giúp giáo viên, nhà trường và ngành giáo dục nâng cao chất lượng giảng dạy, hướng đến mục tiêu phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học trong thời kỳ đổi mới giáo dục hiện nay.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Đề tài đã hệ thống hóa cơ sở lý luận liên quan đến tư liệu thực tiễn trong dạy học. Từ việc phân tích khái niệm, vai trò, phân loại, nguyên tắc, quy trình sưu tầm và sử dụng tư liệu thực tiễn trong dạy học, luận văn đã khẳng định tư liệu thực tiễn có vai trò quan trọng trong việc phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn của học sinh. Có kiến thức lý luận vững chắc về nguyên tắc sưu tầm và sử dụng tư liệu thực tiễn trong dạy học.

Trên cơ sở khảo sát thực trạng sưu tầm và sử dụng tư liệu thực tiễn trong dạy học tại một số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình cho thấy giáo viên đã có nhận thức tích cực về vai trò của tư liệu thực tiễn, tuy nhiên việc vận dụng vào dạy học còn nhiều hạn chế do thiếu nguồn tài liệu, kỹ năng thiết kế hoạt động học tập và điều kiện cơ sở vật chất chưa đảm bảo.

Trên cơ sở lý luận và thực tiễn khảo sát, khóa luận đã sưu tầm được một số tư liệu thực tiễn trong dạy học dưới dạng hình ảnh, video, sơ đồ, mô hình biểu diễn các nội dung trong chủ đề “Con người và sức khỏe”. Các tư liệu này được lựa chọn dựa trên các tiêu chí khoa học, tính thực tiễn, tính trực quan và mức độ phù hợp với học sinh lớp 5.

Kết quả đánh giá của giáo viên và học sinh về tư liệu thực tiễn trong dạy học đã sưu tầm cho thấy giá trị dạy học của hệ thống tư liệu, đồng thời sử dụng tư liệu thực tiễn trong dạy học giúp học sinh tăng cường khả năng ghi nhớ, hiểu và vận dụng kiến thức vào thực tế, đồng thời nâng cao hứng thú học tập và năng lực tự học. Qua đó, khẳng định tính khả thi và giá trị thực tiễn trong dạy học của hệ thống tư liệu thực tiễn trong dạy học môn Khoa học 5.

2. Kiến nghị

Dựa trên kết quả nghiên cứu và thực tiễn ứng dụng tư liệu thực tiễn trong dạy học chủ đề “Con người và sức khỏe” môn Khoa học 5, chúng tôi xin đưa ra một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tư liệu thực tiễn trong giảng dạy, từ đó giúp cải thiện chất lượng dạy học và tạo ra môi trường học tập sinh động, sáng tạo cho học sinh:

Tăng cường đầu tư vào nguồn tư liệu thực tiễn: Để việc sử dụng tư liệu thực tiễn trong dạy học đạt hiệu quả, các trường học cần có sự đầu tư mạnh mẽ vào việc xây dựng và cung cấp nguồn tư liệu phong phú, đa dạng dưới dạng số hóa.

Khuyến khích học sinh tham gia vào quá trình sưu tầm tư liệu: Việc tham gia vào quá trình sưu tầm và lựa chọn tư liệu thực tiễn không chỉ giúp học sinh có thêm kiến thức mà còn giúp các em phát triển các kỹ năng nghiên cứu, phân tích, đánh giá và sáng tạo.

Xây dựng và phát triển các công cụ hỗ trợ dạy học trực tuyến: Sử dụng các công cụ dạy học trực tuyến như phần mềm học tập, trang web giáo dục và các nền tảng chia sẻ tài liệu có thể hỗ trợ giáo viên và học sinh trong việc tiếp cận tư liệu thực tiễn. Các công cụ này không chỉ giúp tiết kiệm thời gian mà còn tạo điều kiện thuận lợi để học sinh học tập mọi lúc, mọi nơi.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1/ Tiếng Việt

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*, Văn phòng Trung ương Đảng.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT Ban hành chương trình giáo dục phổ thông*, Bộ Giáo dục và Đào tạo.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể - Môn Khoa học cấp Tiểu học*, NXB Giáo dục Việt Nam.
4. Dương Huy Cận, Trần Thanh Nguyên (2019), *Sử dụng tư liệu thực tiễn phát triển kiến thức cho học sinh trong dạy học môn tự nhiên và xã hội lớp 3*, Tạp chí khoa học số 40, Trường Đại học Đồng Tháp.
5. Nguyễn Minh Giang, Nguyễn Trần Thanh Liêm (2021), *Thực trạng sử dụng phương pháp thí nghiệm dạy học môn khoa học học theo định hướng phát triển năng lực trong các trường tiểu học ở thành phố Hồ Chí Minh*, Tạp chí Giáo dục.
6. Lê Thanh Hà (2012), *Tâm lý học lứa tuổi học sinh phổ thông*, NXB Giáo dục Việt Nam.
7. Nguyễn Thị Bích Hạnh (2019), *Ứng dụng tư liệu thực tiễn trong dạy học Khoa học ở Tiểu học*, Tạp chí Giáo dục Việt Nam.
8. Ngô Hiệu, Nguyễn Huyền Trang (2016), *Sử dụng dạy học khám phá trong dạy học tiểu học ở Hà Nội*, Tạp chí Giáo dục.
9. Lê Văn Hòa (2014), *Ứng dụng mô hình và công nghệ trong dạy học khoa học*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
10. Nguyễn Văn Hóa (2014), *Phương pháp dạy học và ứng dụng tư liệu thực tiễn trong giáo dục*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
11. Trần Bá Hoành (2009), *Phương pháp giáo dục học sinh tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm.
12. Nguyễn Thu Hương (2017), *Vận dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học môn khoa học lớp 5 ở tiểu học*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
13. Nguyễn Thị Lan (2018), *Ứng dụng mô hình thực tiễn trong dạy học môn Khoa học tiểu học*, Nhà xuất bản Giáo dục.
14. Nguyễn Quý Lâm (2010), *Phương pháp dạy học khoa học tự nhiên ở trường phổ thông*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
15. Đoàn Thị Ngân (2021), *Thực trạng dạy học môn khoa học ở trường tiểu học tại thành phố Hồ Chí Minh*, Tạp chí Giáo dục.
16. Trần Thị Minh Tâm (2016), *Giáo dục học và công nghệ trong dạy học khoa học*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP.HCM.
17. Phạm Văn Tùng (2020), *Tác động của việc sử dụng tư liệu thực tiễn trong giảng dạy các môn khoa học tự nhiên*.

18. Nguyễn Ánh Tuyết (2003), *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, NXB Đại học Sư phạm.

19. Trần Thanh Vân (2019), *Sử dụng tư liệu thực tiễn trong dạy học tích cực ở Tiểu học*.

2/ Tiếng Anh

20. Bouillion, L., & Gomez, L. (2001), *Connecting School and Community with Science Learning*. Journal of Research in Science Teaching.

21. Barbara Means (2014), *Learning Online: What Research Tells Us About Whether, When and How*.

22. John Hattie (2013), *Visible Learning for Teachers: Maximizing Impact on Learning*.

23. SERC (2020), *Use Real World Examples to Teach Sustainability*.

24. Smithsonian Science Education Center (2021), *Smithsonian Science for the Classroom*.

PHỤ LỤC

PHIẾU KHẢO SÁT

Kính gửi Quý Thầy/Cô,

Bảng khảo sát này được thực hiện nhằm thu thập ý kiến từ giáo viên tiểu học để đánh giá nhận thức và thực trạng việc sử dụng tư liệu thực tiễn trong dạy học môn Khoa học lớp 5. Kết quả khảo sát sẽ được sử dụng để phục vụ nghiên cứu, góp phần đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả giảng dạy môn Khoa học.

Em cam kết thông tin quý Thầy/Cô cung cấp sẽ được bảo mật tuyệt đối và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu.

Rất mong nhận được sự hỗ trợ từ Quý Thầy/Cô. Xin chân thành cảm ơn!

I. Thông tin nhân khẩu học

1. Họ và tên: (Không bắt buộc)
2. Giới tính:
 - ☐ Nam
 - ☐ Nữ
 - ☐ Khác
3. Độ tuổi:
 - ☐ Dưới 25 tuổi
 - ☐ 25-35 tuổi
 - ☐ 36-45 tuổi
 - ☐ Trên 45 tuổi
4. Trình độ chuyên môn:
 - ☐ Cao đẳng
 - ☐ Đại học
 - ☐ Sau đại học
5. Thâm niên công tác:
 - ☐ Dưới 5 năm
 - ☐ 5-10 năm
 - ☐ 11-20 năm
 - ☐ Trên 20 năm
6. Đơn vị công tác: (Trường tiểu học cụ thể)
7. Đã từng tham gia khóa bồi dưỡng về việc sử dụng tư liệu thực tiễn trong giảng dạy:
 - ☐ Có
 - ☐ Không

II. Câu hỏi khảo sát

Nhận thức của giáo viên về vai trò và ý nghĩa của việc sử dụng tư liệu thực tiễn

Hãy đánh giá mức độ đồng ý của Thầy/Cô với các phát biểu dưới đây theo thang điểm từ 1 đến 5:

(1 - Hoàn toàn không đồng ý, 2 - Không đồng ý, 3 - Trung lập, 4 - Đồng ý, 5 - Hoàn toàn đồng ý)

Phát biểu	1	2	3	4	5
1. Tư liệu thực tiễn giúp bài học Khoa học trở nên sinh động và hấp dẫn hơn.	☐	☐	☐	☐	☐
2. Việc sử dụng tư liệu thực tiễn giúp học sinh kết nối kiến thức lý thuyết với thực tiễn.	☐	☐	☐	☐	☐
3. Sử dụng tư liệu thực tiễn giúp phát triển tư duy và kỹ năng phân tích của học sinh.	☐	☐	☐	☐	☐
4. Tư liệu thực tiễn khuyến khích học sinh sáng tạo trong học tập.	☐	☐	☐	☐	☐
5. Tôi cảm thấy việc sử dụng tư liệu thực tiễn là cần thiết và quan trọng trong dạy học.	☐	☐	☐	☐	☐
6. Tôi tự tin sử dụng tư liệu thực tiễn trong giảng dạy môn Khoa học lớp 5.	☐	☐	☐	☐	☐

Thực trạng sử dụng tư liệu thực tiễn trong giảng dạy

Phát biểu	1	2	3	4	5
7. Tôi thường xuyên sử dụng tư liệu thực tiễn trong giảng dạy môn Khoa học lớp 5.	☐	☐	☐	☐	☐
8. Tôi có đủ thời gian để chuẩn bị các tư liệu thực tiễn phục vụ giảng dạy.	☐	☐	☐	☐	☐
9. Nhà trường cung cấp đầy đủ nguồn tài liệu và cơ sở vật chất để sử dụng tư liệu thực tiễn.	☐	☐	☐	☐	☐
10. Tôi gặp khó khăn trong việc tìm kiếm các tư liệu thực tiễn phù hợp với nội dung bài học.	☐	☐	☐	☐	☐
11. Học sinh hứng thú hơn khi được học với các tư liệu thực tiễn.	☐	☐	☐	☐	☐
12. Học sinh gặp khó khăn trong việc hiểu nội dung từ các tư liệu thực tiễn.	☐	☐	☐	☐	☐
13. Tôi cần sự hỗ trợ từ các khóa bồi dưỡng để nâng cao kỹ năng sử dụng tư liệu thực tiễn.	☐	☐	☐	☐	☐
14. Các tư liệu thực tiễn tôi sử dụng thường bao gồm:	☐	☐	☐	☐	☐

Loại tư liệu thực tiễn thường sử dụng (Chọn tất cả các loại phù hợp):

- ☐ Hình ảnh
- ☐ Video, clip minh họa
- ☐ Mô hình hoặc hiện vật thật
- ☐ Tài liệu viết (báo, sách, bài viết liên quan)
- ☐ Kết quả phỏng vấn, khảo sát từ thực tế
- ☐ Khác: _____

Ý kiến đóng góp

1. Theo Thầy/Cô, những biện pháp nào cần thiết để tăng cường việc sử dụng tư liệu thực tiễn trong giảng dạy môn Khoa học lớp 5? (Có thể chọn nhiều ý):

- ☐ Tăng cường các khóa bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên
- ☐ Cung cấp thêm nguồn tài liệu và tư liệu thực tiễn phù hợp
- ☐ Nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy
- ☐ Hỗ trợ tài chính hoặc nguồn lực cho việc chuẩn bị tư liệu
- ☐ Khác: _____

2. Ý kiến khác của Thầy/Cô:

Chân thành cảm ơn Quý Thầy/Cô đã dành thời gian tham gia khảo sát!

KẾT QUẢ KHẢO SÁT

1. Thông tin nhân khẩu học

Thông tin	Chỉ tiêu	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	29	41.43%
	Nữ	41	58.57%
	Khác	0	0.00%
Độ tuổi	Dưới 25 tuổi	9	12.86%
	25-35 tuổi	31	44.29%
	36-45 tuổi	26	37.14%
	Trên 45 tuổi	4	5.71%
Trình độ chuyên môn	Cao đẳng	19	27.14%
	Đại học	42	60.00%
	Sau đại học	9	12.86%
Thâm niên công tác	Dưới 5 năm	13	18.57%
	5-10 năm	27	38.57%
	11-20 năm	26	37.14%
	Trên 20 năm	4	5.71%
Đã tham gia bồi dưỡng	Có	47	67.14%
	Không	23	32.86%

2. Kết quả khảo sát

1 - Hoàn toàn không đồng ý, 2 - Không đồng ý, 3 - Trung lập, 4 - Đồng ý, 5 - Hoàn toàn đồng ý

Phát biểu	1	2	3	4	5	Điểm trung bình
1. Tư liệu thực tiễn giúp bài học Khoa học trở nên sinh động và hấp dẫn hơn.	7.1%	10.0%	12.9%	41.4%	28.6%	4.08
2. Việc sử dụng tư liệu thực tiễn giúp học sinh kết nối kiến thức lý thuyết với thực tiễn.	5.7%	8.6%	14.3%	40.0%	31.4%	4.23
3. Sử dụng tư liệu thực tiễn giúp phát triển tư duy và kỹ năng phân tích của học sinh.	8.6%	10.0%	20.0%	37.1%	24.3%	4.03

4. Tư liệu thực tiễn khuyến khích học sinh sáng tạo trong học tập.	4.3%	7.1%	18.6%	42.9%	27.1%	4.12
5. Tôi cảm thấy việc sử dụng tư liệu thực tiễn là cần thiết và quan trọng trong dạy học.	2.9%	7.1%	15.7%	40.0%	34.3%	4.31
6. Tôi tự tin sử dụng tư liệu thực tiễn trong giảng dạy môn Khoa học lớp 5.	8.6%	12.9%	17.1%	37.1%	24.3%	4.00
7. Tôi thường xuyên sử dụng tư liệu thực tiễn trong giảng dạy môn Khoa học lớp 5.	5.7%	11.4%	18.6%	40.0%	24.3%	4.06
8. Tôi có đủ thời gian để chuẩn bị các tư liệu thực tiễn phục vụ giảng dạy.	7.1%	10.0%	22.9%	34.3%	25.7%	3.91
9. Nhà trường cung cấp đầy đủ nguồn tài liệu và cơ sở vật chất để sử dụng tư liệu thực tiễn.	5.7%	15.7%	21.4%	34.3%	22.9%	3.94
10. Tôi gặp khó khăn trong việc tìm kiếm các tư liệu thực tiễn phù hợp với nội dung bài học.	8.6%	10.0%	20.0%	40.0%	21.4%	3.96
11. Học sinh hứng thú hơn khi được học với các tư liệu thực tiễn.	5.7%	7.1%	14.3%	41.4%	31.4%	4.25

12. Học sinh gặp khó khăn trong việc hiểu nội dung từ các tư liệu thực tiễn.	4.3%	10.0%	15.7%	41.4%	28.6%	4.09
13. Tôi cần sự hỗ trợ từ các khóa bồi dưỡng để nâng cao kỹ năng sử dụng tư liệu thực tiễn.	7.1%	8.6%	12.9%	42.9%	28.6%	4.05
14. Các tư liệu thực tiễn tôi sử dụng thường bao gồm:	5.7%	12.9%	18.6%	40.0%	22.9%	4.01
Đã tham gia bồi dưỡng	Có	47	67.14%			
	Không	23	32.86%			